

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV: Phạm Thị Hà
Tổ : Ngữ văn, KHBD khối 11(T91-97,102-105)
Ngày soạn: 25/3/2025
Ngày dạy: Tuần 32,33,34,35

BÀI 9. LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG **(11tiết)**

A.MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Phân tích, đánh giá được thông điệp, chủ đề, tư tưởng mà tác giả muốn gửi đến thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; biết phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản nhiều chủ đề
- Nhận biết và phân tích nội dung của luận đề, các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản nghị luận; đánh giá được các bằng chứng lí lẽ mà người viết sử dụng để bảo vệ quan điểm trong bài viết; thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản và giải thích lí do
- Biết được cách giải nghĩa của từ, qua đó chủ động bồi đắp vốn từ và sử dụng từ ngữ chính xác, có hiệu quả.
- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật (điện ảnh, âm nhạc hội họa, điêu khắc...), nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.
- Biết giới thiệu (dưới hình thức nói) một tác phẩm nghệ thuật theo sự lựa chọn cá nhân (tác phẩm điện ảnh, âm nhạc hội họa...)

2. Về năng lực

- **Học sinh phát triển:** Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
- **Học sinh viết** - Viết được một bài văn nghị luận về tác phẩm nghệ thuật.
- Biết thuyết trình giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật

3. Về phẩm chất

Biết làm chủ bản thân và có định hướng đúng đắn nhằm phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có đóng góp tích cực cho đời sống của cộng đồng.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

Tiết 91 PHẦN 1. ĐỌC **A. TRI THỨC NGŨ VĂN**

I.MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hóa, xã hội của văn bản, nêu được ý nghĩa của văn bản với quan niệm của bản thân
- Nhận biết và đánh giá nghĩa của từ

2. Về năng lực

- Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
- Học sinh viết được bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật
- Học sinh thuyết trình giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật

3. Về phẩm chất:

- Có ý thức làm chủ bản thân, phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ

a. **Mục tiêu hoạt động:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. **Nội dung thực hiện:**

-GV chuẩn bị slide khởi động: Hs quan sát các bức hình.

-Học sinh trả lời câu hỏi: Khi quan sát các bức hình, người viết muốn nói với chúng ta thông tin gì?

c. **Sản phẩm :** Phiếu học tập, câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Học sinh suy nghĩ và dự trù câu trả lời Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoàn thiện phiếu Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết và mong muốn về bài học Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Mỗi thời đại, mỗi xã hội có một quan niệm sống khác nhau nhưng dù ở bất kì hoàn cảnh nào con người chúng ta cũng cần lựa chọn và hành động cho phù hợp với chính chúng ta và với sự phát triển của dân tộc.	Phần chuẩn bị bài trình chiếu và phiếu của giáo viên.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. **Mục tiêu hoạt động:**

- Phân tích và đánh giá thông tin cơ bản của văn bản có nhiều chủ đề

- Nhận biết được một số cách giải thích nghĩa của từ

b. **Nội dung thực hiện:**

-Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa

-Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện vào bảng phụ

c. **Sản phẩm :** Phiếu học tập, câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao phiếu và chia lớp thành 2 nhóm Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành bảng phụ Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận	I. TRI THỨC NGỮ VĂN 1. Văn bản văn học có nhiều chủ đề - Là loại văn bản văn học cùng lúc thể hiện nhiều chủ đề và các chủ đề được phân loại theo những tiêu chí khác nhau. - Có nhiều cách phân chia chủ đề + Xét theo toàn bộ thể giới nghệ thuật được miêu tả: Chủ đề chính và chủ đề phụ

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về tri thức ngữ văn	+ Xét theo tính chất được biểu hiện: Chủ đề toàn dân tộc và chủ đề phổ quát nhân loại => Các chủ đề tự soi sáng, bổ sung cho nhau tạo ra sự đa nghĩa cho văn bản đáp ứng nhiều độc giả khác nhau. 2. Một số cách giải thích nghĩa của từ - Có nhiều cách giải thích nghĩa của từ tùy vào ngữ cảnh cụ thể, đặc điểm, tính chất của từ được giải thích + Giải thích bằng hình thức trực quan: Chỉ vào sự vật, hiện tượng tồn tại trong thực tế vốn được gọi tên bằng từ đó + Giải thích bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị + Giải thích bằng cách nêu lên từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ được giải thích + Giải nghĩa bằng cách làm rõ nghĩa từng yếu tố trong từ được giải thích.
---	---

TIẾT 91,92- VĂN BẢN 1

BÀI CA NGÁT NGUỒNG

(Nguyễn Công Trứ)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thể loại hát nói: từ ngữ, hình ảnh, bố cục...
- Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm: hiểu được phong cách sống của Nguyễn Công Trứ với tư cách của một nhà nho và có thể coi đó là sự thể hiện cá tính của một bản lĩnh cá nhân mang ý nghĩa tích cực; hiểu đúng nghĩa của khái niệm ngát ngưỡng để không nhầm với lối sống lập dị của một số người hiện đại.
- Phân tích được các tín hiệu nghệ thuật đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm mà tác giả muốn gửi đến người đọc.

2. Về năng lực

- *Về năng lực chung:*
 - + Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
- *Về năng lực đặc thù:*
 - Học sinh viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề tư tưởng giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của văn bản thơ trung đại thể loại hát nói (có thể kết hợp với âm nhạc trong diễn xướng)
 - Phân tích được các tín hiệu nghệ thuật đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm muốn gửi đến người đọc; đánh giá được tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm
 - Trình bày được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm

3. Về phẩm chất

- Học sinh có ý thức tìm hiểu, trân trọng vẻ đẹp cá tính, lí tưởng của con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, các phiếu học tập,; rubric đánh giá học sinh, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
	1			
	2			

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ

- Mục tiêu hoạt động:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học
- Nội dung thực hiện:** Chia sẻ những vấn đề liên quan, từ đó tạo tâm thế, hứng thú giờ học.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: -Tại sao vấn đề “cá tính” ngày càng được xã hội, và đặc biệt là những người trẻ quan tâm? -Kể tên một số tác phẩm của nhà thơ Nguyễn Công Trứ mà em biết? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm HS trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm GV quan sát, nhắc nhở HS về cách thức báo cáo sản phẩm . Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS	-HS nghe câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời các câu hỏi của GV - GV dẫn dắt vào bài học : “ <i>Kiếp sau xin chớ làm người.</i> <i>Làm cây thông đứng giữa trời mà reo</i>” Nguyễn Công Trứ muốn làm cây thông để đón gió bốn phương, để ở độ cao vời vợi, để cất tiếng hát tự do theo gió, để “ ngất ngưỡng” bốn mùa. Bài thơ sắp học phải chăng là thái độ của cây thông đứng giữa trời mà reo. Ta cùng tìm hiểu tác phẩm “ <i>Bài ca ngất ngưỡng</i>”.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập số 1 HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về tác phẩm Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	I. ĐỌC HIỂU KHÁI QUÁT 1. Tác giả: (1778-1858) hiệu là Hi Văn, xuất thân trong một gia đình Nho học - Ông là một nhà thơ thành công ở thể hát nói, là người đầu tiên mang đến cho thể loại này một nội dung phù hợp với c/năng và cấu trúc của nó. 2. Thể thơ hát nói: Thuộc điệu ca trù, phổ biến ở cuối TK XVIII. Hình thức, nhịp điệu tự do, vần đối xứng. Hát nói đáp ứng nhu cầu chuyển tải những cảm xúc cá nhân tự do, phóng khoáng. 3.Văn bản - Giải thích từ khó (theo chú thích) - Bố cục:

	+ 6 câu đầu: Giới thiệu tài năng, danh vị xã hội. + 12 câu tiếp: Phong cách sống khác đời, ngao du giải trí khác người, phẩm chất và bản lĩnh trước những thăng trầm và thế thái nhân tình. + câu cuối: Khẳng định phong cách sống của mình. * Cảm nhận chung: - Từ <i>ngát ngưỡng</i> xuất hiện 4 lần trong bài, câu 4, 8, 12 và câu cuối. - Ngát ngưỡng diễn tả tư thế ngả nghiêng như chực ngã, không vững chắc, gây cảm giác khó chịu cho những người xung quanh. - Cách dùng biệt danh kết hợp đại từ : <i>ông Hy Văn, ông ngát ngưỡng</i>; đại từ thay thế: <i>tay ngát ngưỡng, tay kiếm cung</i>; xưng tên... => vị thế cao, thái độ ngạo nghễ, tự phụ - Thái độ sống ngát ngưỡng là cách sống khác người, khác đời, tự do phóng túng, không theo một khuôn khổ nào cả.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt ra các câu hỏi cho HS tìm hiểu nội dung văn bản Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm HS trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm GV quan sát, nhắc nhở HS về cách thức báo cáo sản phẩm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1 Sáu câu đầu: Giới thiệu tài năng, danh vị xã hội của nhà thơ. <i>Vũ trụ nội mạc phi phận sự</i> <i>Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên</i> + Thái độ, triết lí sống của người kẻ sĩ: Mọi việc trong trời đất đều là phận sự của ta. + Tự thuật một cách say mê về tài năng, học vị, chức tước cả khi thi cử lần ở chốn quan trường + Lời tự thuật ấy được diễn tả bằng hệ thống từ Hán Việt uy nghiêm, trang trọng kết hợp âm điệu nhịp nhàng được tạo bởi điệp từ và cách ngắt nhịp câu thơ: “<i>Khi thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc, Lúc bình Tây, Có khi về...</i>” => Lời tự thuật khẳng định tài năng và lý tưởng trung quân, ý thức trách nhiệm của kẻ sĩ ở NCT. - Tự nói về tài năng, danh vị của mình là xuất phát từ tài năng lực, từ ý thức cá nhân, từ thái độ sống “<i>ngát ngưỡng</i>” của nhà thơ. - Mâu thuẫn: ý thức được trách nhiệm nhưng lại thấy bị trói buộc, gò bó. Tục chất đó là ước muốn hành xử theo lối riêng không muốn khép mình vào khuôn phép-> thể hiện cái ngông, tư thế “<i>ngát ngưỡng</i>” trong thái độ sống 2. Mười hai câu tiếp: Thái độ, cung cách sống, quan niệm sống của tác giả khi từ giã chốn quan trường.

	+ cưỡi bò vàng đeo đạc ngựa + Lên chùa mang theo cung kiếm, ngừng cô hầu gái. + Say sưa đi hát ả đào “<i>Khi ca, khi tửu...</i>” + Được hay mất, phú quý hay bần hàn, được khẳng định hay phủ định trong cuộc sống và trong quan hệ xã hội, ông vẫn tỏ ra bình thản, chẳng đoái hoài gì: + Ông tự sánh mình với “<i>người tái thượng</i>” và những người nổi tiếng có sự nghiệp hiển hách. + Ông là người ăn ở có trước, có sau: <i>Nghĩa vua tôi cho vền đạo sơ chung.</i> => Bằng ngôn ngữ tự thuật mang ý vị trào phúng đoạn thơ đã dựng lên một hình tượng con người khác thường, trái khoáy với cuộc đời. Ngưng đằng sau nụ cười là một thái độ, một quan niệm nhân sinh, đề cao một cá tính. ý thức của cái “<i>tôi</i>” đã trỗi dậy khi nền văn học đang thủ tiêu nó bằng quan niệm hàng nghìn năm. 3. Câu thơ cuối <i>Trong triều ai ngất ngưỡng như ông!</i> - Câu thơ kết một lần nữa khẳng định thái độ sống của một nhân cách cứng cỏi, một tài năng, một phẩm giá của một danh sỹ đầu thế kỷ XIX. - Tác giả tự đánh giá về con người mình một cách toàn diện. Khi dung hoà được cả bốn phận và quyền lợi cá nhân, phục vụ và hưởng thụ xứng đáng là kẻ “<i>ngất ngưỡng</i>” nhất trên đời.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu các nhóm HS (4-5 HS) dùng sơ đồ tư duy để tóm tắt những đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác phẩm <i>Bài ca ngất ngưỡng</i> thể hiện và ghi vào giấy A0. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp ý chính về nội dung và nghệ thuật của ... GV quan sát, nhắc nhở HS về quy tắc trình bày của sơ đồ tư duy (nét đậm để thể hiện ý chính, nét nhạt dần thể hiện các ý phụ, cách dùng từ khóa, biểu tượng, ...) Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi từ 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. GV tổ chức cho các nhóm nhận xét lẫn nhau và tự nhận xét. GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt các ý :	III. TỔNG KẾT 1. Nghệ thuật - Thể loại hát nói phù hợp với việc diễn tả thái độ sống tự do, phóng khoáng của người nghệ sỹ tài hoa. - sử dụng ngôn ngữ tự xưng thể hiện cá tính. - Sử dụng nhiều từ Hán Việt trang trọng kết hợp với sắc thái tự nhiên, dân dã - Kết hợp đa dạng các biện pháp tu từ: lặp cấu trúc, đối, liệt kê... -Nhip điệu thay đổi linh hoạt, cách gieo vần sáng tạo... 2. Nội dung Bài ca ngất ngưỡng khẳng định một phong cách sống đầy bản lĩnh của Nguyễn Công Trứ trong khuôn khổ xã hội phong kiến chuyên chế. Mặc dù coi trọng hành lạc nhưng ta vẫn thấy ở Nguyễn Công Trứ một lối sống tích cực: nhập thế, hành đạo, trách nhiệm với thời cuộc; lối sống, cách ứng xử với

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	công dân phú quý theo tinh thần tự do tự tại mà không vương tục, rong chơi thoả chí mà vẫn trọn đạo Vua – Tôi; tận tụy với đất nước, nghĩa tình với quê hương; tâm hồn phóng túng, cốt cách tài tử, cá tính mạnh mẽ
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: củng cố kiến thức vừa tìm hiểu về tác phẩm *Bài ca ngất ngưởng*

b. Nội dung thực hiện

HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS thảo luận: Suy nghĩ của em về triết lí sống, quan niệm sống của Nguyễn Công Trứ, qua đó em hiểu thêm gì về cái Ngông của tác giả? Liên hệ với cuộc sống ngày nay? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm bài tập trong phiếu bài tập Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi HS trả lời các câu hỏi. GV nhận xét, hướng dẫn HS trả lời: Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Gợi ý: - Quan niệm sống tích cực, nhập thế, coi trọng cá tính cá nhân nhưng không dị hợm, kệch cỡm - Dung hòa giữa việc coi trọng bản ngã và trách nhiệm công hiến với quốc gia, dân tộc.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Liên hệ bài học với đời sống, giải quyết vấn đề trong đời sống

b. Nội dung thực hiện: HS trình bày và chia sẻ ý tưởng

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt vấn đề: Lập dàn ý cho đề bài sau: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về thông điệp “Love yourself” – yêu thương chính bản thân mình. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi nêu ý kiến. GV quan sát và giúp đỡ học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập Bước 3. Báo cáo, thảo luận	Bài làm của HS -Đặt vấn đề : “Love yourself” – yêu thương chính bản thân mình - Giải thích : tin tưởng, yêu thương, bảo vệ chính bản thân mình, coi trọng cá tính và sự khác biệt của bản thân - Đánh giá : cần thiết và quan trọng - Lí giải: + mỗi chúng ta là một cá thể đặc biệt với những quan niệm, suy nghĩ và sở trường riêng + Chấp nhận thực tại, yêu thương chính mình để sống mạnh mẽ, tự tin

GV yêu cầu 3 HS trình bày ý kiến của mình. GV tổ chức cả lớp tranh luận về suy nghĩ đó. Bước 4. Kết luận, nhận định GV đánh giá trực tiếp câu trả lời của học sinh.	+ Phát huy sở trường của bản thân, tự tin tỏa sáng -VD minh họa -Phản biện : Lỗi sống tiêu cực, thiếu tin tưởng vào chính mình -Bài học nhận thức và hành động.
--	--

Tiết 93,94 **VĂN BẢN 2:**

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CÀN GIUỘC (Nguyễn Đình Chiểu)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thể loại hát nói: từ ngữ, hình ảnh...
- Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm: hiểu được phong cách sống của Nguyễn Công Trứ với tư cách của một nhà nho và có thể coi đó là sự thể hiện cá tính của một bản lĩnh cá nhân mang ý

nghĩa tích cực; hiểu đúng nghĩa của khái niệm ngất ngưỡng để không nhầm với lối sống lập dị của một số người hiện đại.

- Phân tích được các tín hiệu nghệ thuật đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm mà tác giả muốn gửi đến người đọc.

2. Về năng lực:

- Về năng lực chung:

+ Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

- Về năng lực đặc thù:

- Học sinh viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề tư tưởng giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của văn bản thơ trung đại thể loại hát nói (có thể kết hợp với âm nhạc trong diễn xướng)

3. Về phẩm chất: Có ý thức tìm hiểu, trân trọng vẻ đẹp cá tính, lí tưởng của con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV Ngữ văn 11 Tài liệu chuẩn kiến thức – kĩ năng Ngữ văn 11; Bài soạn; Bài giảng Powerpoint; Phiếu học tập.

2. Học liệu

- SGK Ngữ văn 11 (tập 1 soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

+ Tìm tư liệu về Nguyễn Đình Chiểu (hình ảnh, video, chuyện kể)

+ Đọc bài ghi lại kiến thức cơ bản bằng sơ đồ hoặc bản đồ tư duy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Không

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

b. Nội dung:

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV tổ chức cho HS trò chơi: Theo dòng lịch sử Cách thức tổ chức: GV chia lớp thành 2 đội chơi. Đội nào trả lời được nhiều câu hỏi hơn, đội đó thắng. Phần thưởng cho đội thắng: Mỗi thành viên trả lời đúng câu hỏi cho đội, sẽ được cộng 1 điểm và quỹ điểm KTTX hoặc 1 tràng pháo tay của cả lớp. - HS: chú ý lắng nghe B2. Thực hiện nhiệm vụ: - GV lần lượt chiếu các câu hỏi: Câu 1: Đại biểu cuối cùng của văn học trung đại Việt Nam chuyên viết về đề tài thi cử? (Đáp án: Trần Tế Xương)	- Các thành viên trong mỗi đội lần lượt giơ tay trả lời câu hỏi.

Câu 2: Ai là tác giả của câu thơ:

“Năm canh máu chảy đêm hè vắng
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ”

Đáp án: Nguyễn Khuyến

Câu 3: Nhà nho có nhân cách thanh cao gắn với cuộc khởi nghĩa nông dân Mỹ Lương?

Đáp án: Cao Bá Quát

Câu 4: Năm nào Nguyễn Anh lên ngôi vua?

Đáp án: 1802

Câu 5: Thực dân Pháp xâm lược VN vào năm nào?

Đáp án: 1858

Câu 6: Năm hoặc Tên hiệp ước đầu tiên của Việt Nam với Pháp mở đầu cho cuốn “vong quốc sử Việt Nam” nhượng 3 tỉnh Nam Kỳ (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường) cho Pháp?

Đáp án: Hiệp ước Nhâm Tuất 1862

Câu 7: Tên nhà thơ ở đất Gia Định gắn với phong trào yêu nước và tinh thần khởi nghĩa của những phong trào nông dân cuối thế kỷ XIX, tác giả cuốn Truyện Lục Vân Tiên?

Đáp án: Nguyễn Đình Chiểu.

GV chiếu hình ảnh: (cho HS tham khảo)



Khi giặc Pháp cướp mất ba tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa của miền Đông Nam bộ vào 26 tháng 5 năm 1862, Nguyễn Đình Chiểu rời Căn Giuộc về Ba Trĩ, Bến Tre ở. Rồi giặc Pháp chiếm cả sáu tỉnh của miền Nam, chúng tìm mọi cách mời Nguyễn Đình Chiểu cộng tác, ông cự tuyệt.

14

- HS mỗi đội giờ tay trả lời câu hỏi.

B3. Báo cáo thảo luận:

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: những nét chính về cuộc đời, nghị lực, nhân cách và giá trị thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu.

b. Nội dung: GV cho HS xem những hình ảnh trực quan kết hợp hình thức trao đổi thảo luận nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phản hồi, thông tin - thảo luận của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv
và Hs

Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK và tìm hiểu tác giả và tác phẩm. (có thể phát PHT số 1 để HS điền vào) B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm 2 hoặc nhóm 4 để tìm hiểu bài. B3. Báo cáo thảo luận - HS tiếp nhận nhiệm vụ - Các nhóm bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét và sử dụng bảng kiểm đánh giá hoạt động nhóm của HS. - GV chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả a. Cuộc đời - Nguyễn Đình Chiểu - Đồ Chiểu (1822 - 1888) Tự là Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai (cái phòng tối) - Xuất thân trong gia đình nhà nho. - 1843 NĐC đỗ tú tài, 1846 ra Huế thi tiếp nhưng đến 1949 lúc sắp thi thì mẹ mất, bỏ thi về Nam chịu tang mẹ. Trên đường đi bị đau mắt nặng nên đã bị mù hai mắt. - Bị mù từ năm 27 tuổi, Nguyễn Đình Chiểu vẫn mở lớp dạy học, làm thuốc chữa bệnh cho người nghèo và sáng tác thơ văn chống Pháp. - 1859 Pháp đánh Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn mưu đánh giặc và sáng tác nhiều thơ văn chiến đấu. -Thực dân Pháp biết ông là người có tài tìm cách dụ dỗ, mua chuộc, nhưng ông tỏ Phẩm chất bất hợp tác. - 1888 ông qua đời. Cuộc đời ông là một tấm gương sáng về nghị lực và đạo đức, suốt đời chiến đấu không biết mệt mỏi cho lẽ phải, cho quyền lợi nhân dân. => <i>Bài học từ cuộc đời NĐC: bài học về nghị lực, bản lĩnh sống vượt lên bi kịch cá nhân, tinh thần bất khuất trước kẻ thù, tấm lòng yêu nước thương dân sâu nặng.</i> b.Sự nghiệp thơ văn. - Những tác phẩm chính: (Xem SGK) => Thơ văn NĐC là lá cờ đầu của văn thơ yêu nước chống Pháp nửa cuối thế kỉ XIX c. Nội dung thơ văn - Lí tưởng đạo đức nhân nghĩa + Mục đích truyền dạy những bài học về đạo lí làm người chân chính. + Vừa mang tinh thần nhân nghĩa của đạo Nho nhưng lại rất đậm đà tính nhân dân và truyền thống dân tộc + Xây dựng mẫu người lí tưởng - Lòng yêu nước thương dân: + Tố cáo tội ác của giặc + Lên án những kẻ theo giặc, đầu hàng giặc + Ngợi ca những sĩ phu yêu nước. -> Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đã đáp ứng xuất sắc những yêu cầu của cuộc sống và chiến đấu đương thời, có tác dụng động viên, khích lệ không nhỏ tinh thần và ý chí cứu nước của nhân dân. d. Nghệ thuật thơ văn. - Có nhiều đóng góp, nhất là văn chương trữ tình đạo đức. Bút pháp trữ tình xuất phát từ cõi tâm trong sáng, nhiệt thành, đầy tình yêu thương, nồng đậm hơi thở của cuộc sống. - Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu còn mang đậm chất Nam Bộ: Từ lời ăn tiếng nói mộc mạc, bình dị, đến tâm hồn nồng nhiệt, chất phác.
--	---

	- Các sáng tác thiên về chất chuyện kể, mang màu sắc diễn xướng rất phổ biến trong văn học dân gian Nam Bộ. => Hơn một thế kỷ trôi qua, tiếng thơ Đồ Chiểu vẫn ngân vang giữa cuộc đời. Tên tuổi nhà thơ mù yêu nước xứ Đồng Nai vẫn rực sáng trên bầu trời văn nghệ dân tộc bởi nhân cách cao đẹp và những cống hiến lớn lao của ông cho văn học nước nhà. 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh sáng tác: - Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An. Trận Cần Giuộc là một trận đánh lớn của quân ta diễn ra đêm 16/12/1861, hơn 20 nghìn quân đã hi sinh anh dũng. Tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang đã yêu cầu cụ Đồ Chiểu viết bài văn tế. Ngay sau đó vua Tự Đức ra lệnh phổ biến bài văn tế trong các địa phương khác. - Như vậy <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> không đơn thuần là sản phẩm của nghệ thuật cá nhân mà còn là sản phẩm mang tính chất nhà nước, thời đại. b. Thể loại văn tế - Văn tế: loại văn gắn với phong tục nhằm bày tỏ lòng thương tiếc với người đã mất (Văn khóc, điệu văn). - Nội dung: + Kể lại cuộc đời, công đức, phẩm hạnh của người đã khuất; + Bày tỏ nỗi đau thương của người sống trong giờ phút vĩnh biệt. - Âm điệu bài văn thường là bi thương, lâm li thống thiết, dùng nhiều thán từ và những từ ngữ, hình ảnh có giá trị biểu cảm mạnh. - Bố cục: 4 phần. + Lung khởi: khái quát bối cảnh của thời đại và khẳng định ý nghĩa cái chết bất tử của người nông dân. (câu 1- 2) + Thích thực: Hồi tưởng lại hình ảnh và công đức người nông dân - nghĩa sĩ. (câu 3 - 15) + Ai vãn: Bày tỏ lòng thương tiếc, sự cảm phục của tác giả đối với người nghĩa sĩ. (câu 16- 28) + Khóc tận (Kết): Ca ngợi linh hồn bất tử của các nghĩa sĩ. (còn lại) =>TK XIX là thể kỉ đau thương mà quật khởi của dân tộc, tiếng khóc thương trong các bài văn tế không chỉ thể hiện tình cảm riêng mà còn là tiếng khóc cho đất nước, cho thời đại, mang âm hưởng sử thi, bi tráng.
--	---

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được những nét chính về hoàn cảnh sáng tác, đặc điểm thể loại, bố cục văn tế, vẻ đẹp của người nghĩa sĩ nông dân.

b. Nội dung: Đọc sáng tạo, nêu vấn đề bàn luận, thảo luận ý kiến với tập thể lớp.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, ý kiến phản hồi của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1:	II. Khám phá văn bản 1. Lung khởi: Bối cảnh thời đại và

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn đọc: Giọng đọc văn tế thường chậm, mang âm hưởng bi thương, đau xót. Giữa các phần trong bố cục thường ngắt giọng lâu hơn để tạo dư âm;
- + Phần Lung khởi cần đọc giọng trang trọng nhấn vào từ chỉ hình ảnh rộng lớn và miêu tả âm thanh, ánh sáng, làm nổi bật sự suy ngẫm về lẽ sống chết ở đời;
- + Phần Thích thực giọng đọc hồi tưởng, bồi hồi khi dựng lại chân dung người nghĩa sỹ có nguồn gốc nông dân; Đoạn miêu tả bức tranh công đồn cần đọc nhanh, dồn dập, tự hào, nhấn vào các động từ;
- + Phần Ai vãn và Kết trở về giọng đọc chậm, thống thiết, xót xa và thành kính trang nghiêm.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- GV gọi 1-2 HS đọc bài

B3. Báo cáo thảo luận

- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đọc mẫu, HS đọc, nhận xét, rút kinh nghiệm.

Nhiệm vụ 2:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm lớn (4 nhóm) (Phát PHT số 2,3 để HS điền vào)

- Thời gian: 7 phút
 - Nội dung: 4 nhóm chọn ngẫu nhiên trong những nội dung sau:
 - + Tình thế, bối cảnh thời đại mà Nguyễn Đình Chiểu xây dựng hình tượng người nông dân – nghĩa sỹ; ý nghĩa cái chết của họ.
- (Gợi ý: Sự đối lập được biểu hiện như thế nào?)
- + Hoàn cảnh xuất thân của người nghĩa sỹ trong bài văn tế
 - + Những chuyển biến về tư tưởng của người nông dân khi giặc Pháp xâm lược
 - + Về đẹp hào hùng của người nông dân trong “trận nghĩa đánh Tây”.

HS thảo luận, ghi vào bảng phụ

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận và viết kết quả vào bảng phụ hoặc PHT

B3. Báo cáo thảo luận

ý nghĩa cái chết bất tử.

- Sự đối lập từ hình thức đến nội dung:

+ Đối lập bằng trắc: TTTB- BBBT

+ Đối lập từ loại: DDDD - ĐĐDD

+ Đối lập ý nghĩa: súng giặc >< lòng dân; đất >< trời

- Không gian rộng lớn: *trời, đất* + động từ *rền, tỏ* - sự khuếch tán của âm thanh, ánh sáng

-> Bối cảnh của thời đại: sự đối lập gay gắt dữ dội giữa thế lực bạo tàn của thực dân Pháp và ý chí bảo vệ tổ quốc của nhân dân Việt Nam.

+ *Mười năm công vỡ ruộng* - không ai biết

+ *Một trận nghĩa đánh Tây* - để lại tiếng thơm muôn đời

-> *Tác giả đặt giả thiết để so sánh nhằm khẳng định ý nghĩa của cái chết vinh quang, cao cả.*

=> *Thời kì đau thương, “khổ nhục nhưng vĩ đại”.*

2. Phần thích thực: Hình tượng những người nông dân - nghĩa sỹ Cần Giuộc anh hùng.

a. Hoàn cảnh xuất thân những người nghĩa sỹ:

- Là những người nông dân nghèo khổ chất phác, cuộc đời lam lũ “cui cút” với bao lo toan nghèo khó.

- Họ hoàn toàn xa lạ với công việc binh đao -> tạo ra sự đối lập -> tôn cao tầm vóc người anh hùng ở đoạn sau.

=> Bằng nghệ thuật liệt kê (kể ra một loạt những việc người nông dân quen làm và những việc họ chưa hề biết đến), đoạn văn đã giới thiệu một cách cụ thể về nguồn gốc của nghĩa sỹ: Họ xuất thân từ nông dân cần cù, nghèo khổ, xa lạ với chiến tranh, trận mạc.

b. Những chuyển biến về tư

- Các nhóm lần lượt cử đại diện báo cáo kết quả thảo luận.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, đánh giá, chốt lại vấn đề.

=> Sản phẩm dự kiến:

Nhóm: Trình bày nội dung 1.

Tình thế, bối cảnh thời đại mà Nguyễn Đình Chiểu xây dựng hình tượng người nông dân – nghĩa sĩ; ý nghĩa cái chết của họ.

Sau khi HS trao đổi và trình bày, bổ sung GV chốt lại những kiến thức cơ bản.

- HS diễn xuôi câu 1, 2

Than ôi, khi tiếng súng của giặc Pháp vang rền trên đất nước thì tấm lòng của người dân có trời thấu tỏ. Mười năm làm ruộng ...

Tóm lại, hai câu văn đã tạo nên một cái “nền” hoành tráng để tác giả đi sâu khắc họa vẻ đẹp của bức chân dung người nghĩa binh Cần Giuộc.

Nhóm: Trình bày nội dung 2

- Hoàn cảnh xuất thân của người nghĩa sĩ trong bài văn tế?

- Trước khi đánh giặc học là ai? Làm nghề gì? Đời sống hàng ngày của họ ra sao? Từ "cui cút" nói lên tình cảm gì của tác giả đối với những người nghĩa sĩ nông dân?

Sau khi HS trao đổi và trình bày, bổ sung GV chốt lại những kiến thức cơ bản.

- Nhà thơ xúc động, cảm thông, chia sẻ với cuộc đời nhỏ bé và thân phận “con sâu cái kiến” của người nông dân nghĩa sĩ. Có thể nói, bao nhiêu tình cảm yêu thương của nhà thơ giành cho người nông dân đánh giặc đều được dồn nén và đọng lại ở hai chữ “cui cút” trong đoạn thơ - từ gợi cảm: chan chứa niềm cảm thông, yêu thương của tg.

Nhóm: Trình bày nội dung 3

- Những chuyển biến về tư tưởng của người nông dân khi giặc Pháp xâm lược

Thực dân Pháp chiếm Nam Bộ, người nông dân đã thể hiện tâm trạng và Phẩm chất của mình như thế nào?

Sau khi HS trao đổi và trình bày, bổ sung, GV chốt lại những kiến thức cơ bản.

- Đoạn văn này gợi nhớ đến những câu nào trong bài "Hịch tướng sĩ" và "Bình Ngô đại cáo" ?

Ta thường tới bữa quên ăn ...

Ngấm thù lớn ...

tướng, tình cảm của người nông dân:

*** Tình cảm:**

- Người dân **trông chờ** tin tức mỗi mòn rồi **thất vọng** "trông tin quan như trời hạn trông mưa".

- Lòng căm thù, oán giận:

+ *ghét thối mọi như nhà nông ghét cỏ*

+ *muốn tới ăn gan*

+ *muốn ra cắn cỏ*

(hình ảnh cường điệu mạnh mẽ, chân thực, đậm sắc thái nông dân Nam Bộ)

*** Nhận thức**

- Họ nhận thức đúng đắn: Đất nước ta là một quốc gia độc lập, vĩ đại “mối xa thư đồ sộ”

- Xác định trách nhiệm của bản thân với đất nước: tự mình đứng lên trừ kẻ xâm lăng. (*há để ai chém rắn đuổi hươu*).

*** Hành động:**

+ *Xin ra sức đoạn kình*

+ *Dốc ra tay bộ hổ*

+ *Mến nghĩa làm quân chiêu mộ*

→ tự nguyện, thể hiện ý thức trách nhiệm với sự nghiệp cứu nước và ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc của người nghĩa sĩ.

c. Vẻ đẹp hào hùng của đội quân áo vải trong trận nghĩa đánh Tây

- Trang bị của nghĩa quân khi vào trận:

+ *...manh áo vải...*

+ *...ngọn tầm vông...*

+ *...rơm con cúi...*

+ *...lưỡi dao phay...*

Liệt kê + chi tiết chân thực có sức gợi tả cao

-> Đó là những vật dụng nghèo nàn, thô sơ trong cuộc sống lao động hàng ngày đã trở thành vũ khí để nghĩa quân đánh giặc.

- Tinh thần chiến đấu của nghĩa sĩ

+ Khí thế tấn công vũ bão: động từ

- Trước sự bất lực của triều đình phong kiến, với lòng căm thù giặc sâu sắc của mình, người nông dân đã có nhận thức như thế nào về vai trò, trách nhiệm của mình với đất nước?

- Từ tình cảm, nhận thức như đã nói thì những người nghĩa sĩ đó có hành động như thế nào?

Từ những thân phận bé nhỏ, tội nghiệp “cui cút làm ăn, toan lo nghèo khó”, người nông dân đã hoá thân thành nghĩa sĩ phi thường, tự nguyện gánh vác trọng trách cứu nước.

Nhóm : Trình bày nội dung 4

Sau khi HS trao đổi và trình bày, bổ sung GV chốt lại những kiến thức cơ bản.

- Vũ khí và trang phục ra trận của người nông dân nghĩa sĩ được miêu tả như thế nào?

Sự tương phản giữa vũ khí, trang bị và tinh thần chiến đấu của người nông dân khi ra trận với súng to, đạn nhỏ của kẻ thù càng làm tăng thêm vẻ đẹp tráng ca của người nghĩa quân áo vải .

- Trước quân thù, tinh thần chiến đấu của họ ra sao?

Đây là bức tranh công đồn chưa hề thấy trong văn chương trung đại. Ta mới thấy võ quan như Phạm Ngũ Lão “Hoành sóc giang sơn cáp kỉ thu”, một Trần Quốc Tuấn “Chỉ căm tức rằng chưa xả thịt lột da... cũng nguyện xin làm”. Một Đặng Dung mài gươm dưới trăng ngửa mặt nhìn trời than thở. “Mài gươm mấy độ bóng trăng tà”. Một Nguyễn Trãi “Trận Bò Đổng sấm vang cháp giật, miền Trà Lân trúc trẻ tro bay, sĩ khí càng hăng, quân Thanh càng mạnh”.

=> Đây là lần đầu tiên người nông dân chiến đấu xuất hiện với vẻ đầy dũng khí hiên ngang trong văn học mặc dù lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã khẳng định công lao to lớn của người dân chân lấm tay bùn.

manh, dứt khoát (đốt xong, chém rớt, đâm ngang, chém ngược)...

+ Lòng dũng cảm phi thường: đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có, trối kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ...

Tả thực, nhịp điệu dồn dập, đối, sử dụng từ chéo (đâm ngang, chém ngược, hò trước, ó sau) tinh thần chiến đấu ngùn ngụt, tư thế hiên ngang lẫm liệt, làm khiếp sợ kẻ thù.

=>Nguyễn Đình Chiểu đã phát hiện, ngợi ca phẩm chất cao quý vốn tiềm ẩn đằng sau manh áo vải, sau cuộc đời vất vả, lam lũ của người nông dân – đó là lòng yêu nước và ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản

b. Nội dung: HS tổng kết lại ý nghĩa nội dung và nghệ thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: - Khái quát những nét lớn về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích? HS suy nghĩ trả lời câu hỏi	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Chất trữ tình - Thủ pháp tương phản và cấu trúc của thể văn biền ngẫu

B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS trả lời câu hỏi B3. Báo cáo thảo luận: - Các bạn còn lại nhận xét, bổ sung câu trả lời. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại vấn đề.	- Ngôn ngữ vừa trang trọng, vừa dân dã, mang đậm sắc thái Nam Bộ 2. Ý nghĩa văn bản - Vẻ đẹp bí tráng của hình tượng người nghĩa sĩ nông dân - Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, người nông dân có mặt ở vị trí trung tâm và hiện ra với tất cả vẻ đẹp vốn có của họ.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản

b. Nội dung: HS nắm được những thông tin về văn bản đã học

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trong PHT. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ. B3. Báo cáo thảo luận - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét bài làm của HS.	Bài học: Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Phần II Tác phẩm Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi: <i>Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.</i> <i>Chi nhọc quan quân giống trống kìa, trống giục, đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.</i> <i>Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.</i> (Trích Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc- Nguyễn Đình Chiểu) 1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên. 2/ Văn bản trên sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp nghệ thuật đó. 3/ Tác giả tỏ Phẩm chất, tình cảm như thế nào với người nghĩa sĩ trong văn bản trên? <u>Định hướng trả lời</u> 1/ Nội dung chính của văn bản trên: Diễn tả giây phút công đồn của người nông dân nghĩa sĩ anh hùng. 2/ Văn bản trên sử dụng biện pháp nghệ thuật : - Hệ thống động từ mạnh : <i>đốt, đeo, đập, xô, xông, liều, đâm, chém, hè, ó...</i> - Các cụm từ vừa diễn tả tinh thần, khí thế, vừa diễn tả sức mạnh : <i>đập rào lướt tới-xô cửa xông vào-đâm ngang chém ngược...</i>

	- Phép đối được sử dụng đậm đặc : hè trước/ó sau ; nhỏ/to ; ngang/ngược ; trước/sau... - Ngôn ngữ đậm chất Nam bộ, không sử dụng từ ngữ ước lệ. Hiệu quả nghệ thuật biện pháp nghệ thuật: tạo nhịp điệu đoạn văn nhanh, mạnh, dứt khoát, sôi nổi, góp phần tái hiện trận công đồn của nghĩa sĩ Cần Giuộc rất khẩn trương, ác liệt, sôi động và đầy hào hứng. 3/Tác giả tỏ Phẩm chất, tình cảm ca ngợi, ngưỡng mộ tinh thần chiến đấu quả cảm, không ngại gian khổ hi sinh của người nghĩa sĩ trong giây phút sinh tử.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

b. Nội dung: HS viết được đoạn văn cảm nhận về văn bản đã học

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Viết đoạn văn khoảng 150 chữ trả lời câu hỏi sau:

Từ hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu, anh chị suy nghĩ gì về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với công cuộc dựng nước và giữ nước?

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét bài làm của HS.

4. Củng cố:

5. HDVN:

- Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học

- Chuẩn bị bài tiết sau:

+ *Phẩm chất cảm phục và niềm thương xót vô hạn của tác giả được thể hiện như thế nào?*

+ *Tác giả đã có những suy nghĩ gì về người nghĩa sĩ?*

+ *Tác giả đề cao một quan niệm sống cao đẹp là gì?*

PHỤ LỤC

Phiếu học tập số 1

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....	
Phiếu học tập số 1	
VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC Nguyễn Đình Chiểu Tìm hiểu Tác giả - tác phẩm	
+ Thông tin về tác giả Nguyễn Đình Chiểu (<i>cuộc đời; con người; sự nghiệp sáng tác</i>)	
.....	

+ Bối cảnh ra đời bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.

.....

+ Thể loại văn tế (khái niệm; đặc điểm; bố cục; ngôn ngữ...)

.....

Phiếu học tập số 2

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....

Phiếu học tập số 2

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC

Nguyễn Đình Chiểu

Tìm hiểu Nội dung đoạn 1 (Tán)

* Đoạn 1 (Tán), 9 câu đầu

+ Nội dung 2 câu đầu (*Lung khởi, nhận xét*)

✓ *Lung khởi*

.....

✓ Nhận xét

.....

+ Nội dung 7 câu tiếp theo

✓ *Hoàn cảnh xuất thân*

.....

✓ *Thái độ khi có giặc xâm lăng*

.....

.....

✓ *Nhận xét*

.....

Phiếu học tập số 3

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....

Phiếu học tập số 3

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC

Nguyễn Đình Chiểu

Tìm hiểu Nội dung đoạn 3 và 4

+ **Đoạn 3 (nửa sau của Thán), 10 câu tiếp**

✓ Nỗi đau mất nước

.....

✓ Cảm thương người thân

.....

✓ Cảm xúc xót thương

.....

+ **Đoạn 4**

✓ Bày tỏ tình cảm, tiếc thương.

.....

Phiếu học tập số 4

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....	
Phiếu học tập số 4 VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC Nguyễn Đình Chiểu	
Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi: <i>Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ. Chi nhọc quan quân giống trống kị, trống giục, đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có. Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.</i> (Trích <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> - Nguyễn Đình Chiểu)	
1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên.	
2/ Văn bản trên sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Em hãy nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp nghệ thuật đó.	
3/ Tác giả tỏ Phẩm chất, tình cảm như thế nào với người nghĩa sĩ trong văn bản trên?	

Tiết 95,96 VĂN BẢN 3

CỘNG ĐỒNG VÀ CÁ THỂ

(Trích *Thế giới như tôi thấy* – An –be-Anh-xtanh – Albert Einstein)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được những nét cơ bản về cuộc đời sự nghiệp, cống hiến của tác giả Albert Einstein.
- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề cộng đồng và cá thể được tác giả đề cập trong văn bản.
- Nhận biết và phân tích được hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng đã được tác giả triển khai, sử dụng.
- Thể hiện thái độ chủ động trong việc tiếp nhận và đánh giá quan điểm của người viết được trình bày trong văn bản.
- Biết xử lí hài hòa mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong các tình huống cụ thể của đời sống.

2. Về năng lực:

- Về năng lực chung:
- + Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, ...

- Về năng lực đặc thù: Học sinh viết được một văn bản nghị luận về một vấn đề đặt ra trong văn bản.

3. Về phẩm chất

- Sống có lí tưởng, xử lí hài hòa mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV, máy chiếu, giấy A0, ...

2. Học liệu: Video, tranh, ảnh liên quan, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Không.

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh tiếp nhận nội dung văn bản: nhận thức được vai trò của cộng đồng và cá thể. HS bước đầu nhận thức được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng...

b. Nội dung: HS theo dõi video, trao đổi, thảo luận và trình bày suy nghĩ của mình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xem video https://www.youtube.com/watch?v=SHZmEYQts5o - GV đặt câu hỏi cho HS trả lời: Đoạn phóng sự trên nói về nội dung gì? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS xem video và suy nghĩ để trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận: HS xung phong trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	Đoạn phóng sự thể hiện nội dung: + Vai trò của cộng đồng trong phòng chống COVID -19. + Tinh thần đoàn kết, chung tay góp sức để vượt qua nghịch cảnh. + Mỗi cá nhân cần có ý thức với cộng đồng. + Cộng đồng an toàn được hình thành từ ý thức của mỗi cá thể.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu

- HS nắm bắt được thông tin về tác giả An - be Anh – xtanh và những nét khái quát về văn bản *Cộng đồng và cá thể*.

b. Nội dung

+ HS dựa vào SGK và tìm hiểu qua Internet để nắm được thông tin.

+ GV hướng dẫn học sinh thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, kết quả hoạt động của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà để trình bày những nét khái quát về: + Tác giả An - be Anh - xtanh. + Thông tin chung về văn bản Cộng đồng và cá thể. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tham khảo SGK, nền tảng công nghệ số để thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo thảo luận - Báo cáo kết quả học tập tại lớp. + GV gọi 1-2 em trình bày sản phẩm. + GV tổ chức cho HS góp ý, nhận xét và bổ sung để hoàn thiện. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV đánh giá, nhận xét, bổ sung kết quả làm việc của HS. <i>* Thao tác 1: Đọc và cảm nhận chung</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1-2 HS đọc văn bản tại lớp + Bố cục của văn bản gồm mấy phần? Hãy xác định nội dung từng phần. + Xác định nội dung trọng tâm của văn bản và nêu các căn cứ cho phép bạn xác định như vậy. + Tóm tắt những luận điểm cơ bản được triển khai trong văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc, suy nghĩ trả lời. Bước 3: Báo cáo thảo luận - Gọi 2 - 3 em đọc và chia sẻ cảm nhận của mình. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - An - be Anh - xtanh (1879-1955), nhà vật lý lý thuyết người Đức. - Năm 1940 trở thành công dân Mỹ. Một trong những nhà bác học vĩ đại nhất mọi thời đại, có tầm ảnh hưởng lớn lao trong nhiều lĩnh vực, từ khoa học đến tư tưởng, tôn giáo và chính trị. - Năm 1921 được trao giải Nobel Vật lý. - Khám phá ra định luật của hiệu ứng quang điện. 2. Văn bản <i>* Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:</i> - Văn bản “Cộng đồng và cá thể” trích từ “Thế giới như tôi thấy”. - Cuốn sách này là những tư tưởng được An-be Anh-xtanh đúc kết từ những vấn đề của khoa học và đời sống. Cuốn sách được công bố lần đầu tiên tại Đức vào năm 1931, sau đó được tái bản vào năm 1955 ở Mỹ, đã có sự chỉnh sửa, bổ sung. <i>* Bố cục:</i> - Đoạn 1: Từ đầu đến “những đánh giá về anh ta”: Sự chi phối tự nhiên của cộng đồng đến cá thể. - Đoạn 2: Tiếp đến “một cách tương đối giữa cá nhân với cộng đồng”: Vai trò tích cực của cá thể đối với việc xây dựng cộng đồng. - Đoạn 3: Còn lại: Chiều hướng phát triển của mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong “thời đại chúng ta đang sống”. <i>* Nội dung trọng tâm:</i> - Căn cứ xác định: nhan đề, từ khoá, luận điểm chính,... - Nội dung trọng tâm: Bàn về mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể; nhận diện những biến động tiêu cực của mối quan hệ đó trong xã hội hiện đại; chỉ ra một số nhân tố tích cực đảm bảo cho sự phát triển hài hoà của mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong tương lai.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- HS nhận biết và hiểu được nội dung văn bản và hệ thống luận điểm, luận chứng được tác giả trình bày.
- HS nhận biết vai trò của cộng đồng và cá thể trong đời sống xã hội và mối quan hệ biện chứng giữa chúng.

- HS biết thể hiện quan điểm của cá nhân trước vấn đề mà tác giả đặt ra.

b. Nội dung

- HS làm việc cá nhân và hoạt động nhóm thực hành đọc hiểu văn bản.
- GV hướng dẫn HS cách thức thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu các luận điểm cơ bản của văn bản B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS thảo luận trong nhóm bàn thực hiện yêu cầu: - Tóm tắt các luận điểm cơ bản của văn bản. B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc nhóm và đưa ra ý kiến. B3. Báo cáo thảo luận - Đại diện 2 - 3 nhóm trình bày. Các nhóm khác theo dõi, nhận xét và hoàn thiện. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá và bổ sung. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu vai trò của cộng đồng B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành các nhóm 3 HS giao <i>Phiếu học tập số 1</i> (Phụ lục) yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành với các nội dung tìm hiểu vai trò của cộng đồng: - Nêu nội dung bàn luận. - Sự phụ thuộc của một cá thể vào cộng đồng đã được tác giả ghi nhận qua những bằng chứng nào? Trước những bằng chứng đó, tác giả đã thể hiện cách tư duy khác biệt về vấn đề ra sao?	II. Khám phá văn bản 1. Luận điểm cơ bản + Căn cước và ý nghĩa tồn tại của mỗi cá thể trước hết do cộng đồng quy định. + Cái làm nên giá trị của một cá thể phụ thuộc trước hết vào việc cá thể đó giúp ích được bao nhiêu cho sự tồn tại của người khác. + Một cá thể đơn lẻ không thể thiếu “mảnh đất dinh dưỡng” của cộng đồng, nhưng ngược lại cộng đồng sẽ không phát triển nếu thiếu hoạt động của những cá thể sáng tạo. + Cộng đồng lành mạnh là cộng đồng khuyến khích tính độc lập của những cá thể đồng thời bảo đảm tạo sự liên kết bền trong giữa các cá thể để làm nên xã hội. + Trong thời đại ngày nay, cộng đồng đang bị yếu đi vì vai trò sáng tạo, dẫn dắt của các cá thể phần nào bị lu mờ, trong khi đó, các chế độ độc tài “xuất hiện và được dung dưỡng”. + Cộng đồng sẽ khoẻ mạnh trở lại với việc phân công lao động có kế hoạch”, tạo điều kiện cho sự phát triển của các cá thể, cũng là tạo điều kiện cho cộng đồng có được bước phát triển mới. 2. Vai trò cộng đồng - <i>Nêu nội dung bàn luận</i> + Tác giả khẳng định qua luận điểm “Hoạt động và mong muốn của chúng ta đều có quan hệ với sự tồn tại của người khác”. Điều đó chứng tỏ không một cá thể nào tồn tại độc lập. - <i>Thuyết phục</i> <i>Bằng chứng:</i> + Về bản chất giống loài, chúng ta giống như động vật sống theo bầy. + Ngôn ngữ làm cho con người hơn động vật. <i>Tư duy khác biệt:</i> + Trong một bối cảnh mà người ta thường nói nhiều về tự do cá nhân, quyền của con người cá nhân, đóng góp của cá nhân, tác giả lại ngay từ đầu khẳng định sự phụ thuộc của cá thể vào cộng đồng. + Tác giả là người có những đóng góp lớn cho sự phát triển của khoa học trên thế giới nhưng lại nghĩ đến "sự mang ơn vì được sống trong cộng đồng loài người".

- Nhận xét về cách trình bày của tác giả? B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc nhóm và đưa ra kiến giải cho nhóm của mình. B3. Báo cáo thảo luận - Đại diện các 2 - 3 nhóm lên trình bày. Lớp chú ý theo dõi, bổ sung và hoàn thiện. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá và bổ sung. Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu giá trị của cá thể B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành các nhóm 3-4 HS giao <i>Phiếu học tập số 2</i> (Phụ lục) và yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành nội dung: + Tác giả đã sử dụng lí lẽ gì để khẳng định vai trò của những cá thể sáng tạo đối với sự phát triển của xã hội? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc nhóm và đưa ra kiến giải cho nhóm của mình. B3: Báo cáo thảo luận - Đại diện các 2 - 3 nhóm lên trình bày. Lớp chú ý theo dõi, bổ sung và hoàn thiện. B4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu mối quan hệ giữa cá thể và cộng đồng B1. Chuyển giao nhiệm vụ	+ Nhà khoa học thường là người mãi mê nghiên cứu theo sự thúc đẩy của những lí do chuyên môn, đôi khi không nghĩ đến tính thực dụng của kết quả, nhưng ở đây, An-be Anh-xtanh lại thường nghĩ đến vấn đề “tình cảm, suy nghĩ và hành động của anh ta giúp ích được bao nhiêu cho sự tồn tại của người khác”. - <i>Vai trò</i> + Căn cước và ý nghĩa cá thể nằm ở chỗ anh ta không hẳn là một sinh thể đơn lẻ mà là thành viên của một cộng đồng lớn, cộng đồng dẫn dắt đời sống vật chất và tinh thần của anh ta từ khi sinh tới khi chết. -> Cộng đồng đóng vai trò quyết định đời sống của cá thể. - <i>Nhận xét cách trình bày nội dung:</i> + Luận điểm rõ ràng, bố cục mạch lạc. + Cách trình bày hệ thống luận cứ chặt chẽ, lí luận cụ thể, dễ hiểu, logic. 3. Giá trị của cá thể - Cá thể đóng góp cho cộng đồng: + Tất cả tài sản vật chất, tinh thần và đạo đức mà chúng ta nhận được từ cộng đồng đã được tạo dựng bởi những cá thể sáng tạo đơn lẻ. + Chỉ cá thể đơn lẻ mới có thể tư duy và qua đó, tạo ra những giá trị mới cho xã hội. + Nếu không có những cá thể sáng tạo, suy nghĩ và phán xét độc lập, thì sự phát triển lên cao của xã hội là khó tưởng tượng. + Một cộng đồng lạnh mạnh là một cộng đồng gắn liền với tính độc lập của những cá thể cũng như với sự liên kết bên trong của xã hội. -> Đánh giá cao giá trị sáng tạo của các cá thể. 3. Mối quan hệ giữa cá thể và cộng đồng, sự đòi hỏi đối với mỗi cá nhân và cộng đồng a/ Mối quan hệ giữa cá thể và cộng đồng - Đoạn trích là một bài nghiên cứu về hai khái niệm cộng đồng và cá thể, cũng như tầm quan trọng của chúng trong lịch sử
---	--

- GV chia lớp thành các nhóm 3- 4 HS giao Phiếu học tập số 2 (Phụ lục) yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành các nội dung: + Mỗi quan hệ giữa cá thể và cộng đồng. + Toát lên từ mạch ngầm văn bản là những đòi hỏi đối với mỗi cá nhân và đối với cả cộng đồng. Hãy làm rõ những đòi hỏi đó và nêu suy nghĩ của bạn. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc nhóm và đưa ra kiến giải cho nhóm của mình. B3: Báo cáo thảo luận - Đại diện các 2 - 3 nhóm lên trình bày. Lớp chú ý theo dõi, bổ sung và hoàn thiện. B4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.	phát triển của loài người. Tác giả dùng những lời lẽ dẫn chứng, những ví dụ để nói về vấn đề mang tâm xã hội. - Theo ông, cá thể và cộng đồng là hai khái niệm tách biệt, thậm chí cá thể còn có sự vượt trội hơn cả cộng đồng. Ông cho rằng, những cá thể mới là người hình thành nên văn hoá và mang lại giá trị cho xã hội. Cộng đồng được tạo nên dựa trên sự hình thành của các cá thể, một cá thể mạnh mới có thể tạo nên một cộng đồng vững chắc. - Tuy nhiên, cái nhìn của Anh-xtanh về hiện tại lại khiến cho con người phải suy ngẫm. Những cá thể dần mất đi sự tài giỏi bẩm sinh, lòng người tối tăm dùng chiến tranh và tiền tài làm lu mờ đi tất cả. - Cuối cùng, ông đưa ra ý kiến tôn trọng lao động và bắt buộc phải lao động. Từ đó mới có thể tạo nên một cộng đồng lớn mạnh từ những cá thể đơn lẻ. b/ Sự đòi hỏi đối với mỗi cá nhân và cộng đồng + Phía cá thể: Mỗi người phải luôn nhớ mình là một thành viên của một cộng đồng lớn mà thiếu nó, bản thân anh ta không thể tồn tại. Vì vậy, mọi suy nghĩ, việc làm của cá thể phải được soi xét thường trực bằng câu hỏi: Anh đã giúp ích được bao nhiêu cho sự tồn tại của người khác? Tuy nhiên, để việc “giúp ích” nêu trên đạt hiệu quả, mỗi cá thể phải không ngừng sáng tạo, suy nghĩ, phải thể hiện được cá tính và sự “độc lập về tinh thần” của mình. + Phía cộng đồng: Cả cộng đồng cần ý thức được rằng sức mạnh của nó gắn với sự sáng tạo của từng cá thể, vì vậy, nó cần phải coi trọng việc giải phóng sức sáng tạo của cá nhân, nhìn thấy sự “tách bạch một cách tương đối giữa cá nhân và cộng đồng”, thực hiện việc “phân công lao động có kế hoạch” để mang lại “sự đảm bảo vật chất cho từng cá thể”, mở đường cho những sáng tạo, đột phá của cá thể. -> tầm bao quát rất lớn của tác giả về vấn đề cũng như lương tri sáng suốt của một nhà khoa học chân chính luôn hướng về sự phát triển hài hòa của xã hội, của đời sống nhân loại.
---	--

Nội dung 3: Tổng kết

- Mục tiêu:** Tổng hợp khái quát lại nội dung, ý nghĩa và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm, văn bản.
- Nội dung:** GV nêu nhiệm vụ tổng kết bài học, HS làm việc theo cặp đôi thực hiện nhiệm vụ.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tổng kết văn bản qua các yêu cầu: Giá trị nội dung; ý nghĩa; nghệ thuật viết văn bản.	III. Tổng kết 1. Nội dung, ý nghĩa - Tác phẩm chủ yếu để làm rõ hai khái niệm cộng đồng và cá thể, cũng như tác dụng của cá thể trong

B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh tự duy lại bài học, trao đổi theo cặp để trả lời. B3. Báo cáo thảo luận: - HS trình bày. GV và HS khác góp ý, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, kết luận.	cộng đồng. Nó cũng khiến cho chúng ta hiểu, muốn cộng đồng được lớn mạnh thì bắt buộc phải bắt đầu từ cá thể. - Đoạn trích “Cộng đồng và cá thể” cho người đọc thấy được sự quan trọng của con người trong thời đại phát triển và tác dụng của những cá thể trong cộng đồng. Một cộng đồng muốn lớn mạnh phải xây dựng từ cá thể đơn lẻ. 2. Nghệ thuật - Bố cục mạch lạc. - Luận điểm rõ ràng. - Bằng những dẫn chứng và lý luận logic.
--	---

PHIẾU HỌC TẬP

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp..... <u>Phiếu học tập số 1:</u> <i>Tìm hiểu nội dung bàn luận</i>
✓ <i>Luận điểm</i> ✓ <i>Thuyết phục</i> ✓ <i>Vai trò</i> <i>Nhận xét về cách trình bày nội dung</i>

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp..... <i>Phiếu học tập số 2</i>
- Tác giả đã sử dụng lí lẽ gì để khẳng định vai trò của những cá thể sáng tạo đối với sự phát triển của xã hội? - Mối quan hệ giữa cá thể và cộng đồng: - Nêu những đòi hỏi đối với mỗi cá nhân và đối với cả cộng đồng; suy nghĩ của em:

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, rèn kỹ năng viết một đoạn văn nghị luận bàn về vấn đề đặt ra trong văn bản.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu và trình bày.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc tại lớp để lập ý tưởng cho bài viết. Về nhà HS hoàn thiện. Đề bài: Viết 01 đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu những điều bạn thấy cần nghĩ tiếp cùng An-be Anh-xtanh về vấn đề “Cộng đồng và cá thể”. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân để hoàn thành viết đoạn. B3. Báo cáo thảo luận Trong giờ học sau, GV gọi HS trình bày sản phẩm. GV cùng HS khác theo dõi, góp ý, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV cho HS đánh giá, nhận xét bài viết lẫn nhau. GV đánh giá theo yêu cầu viết đoạn văn.	* HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau song cần lưu ý: - Đảm bảo cấu trúc 01 đoạn văn. - Biết cách triển khai đoạn văn: + <i>Mở đoạn:</i> Giới thiệu được khái quát quan điểm của tác giả về Cộng đồng và cá thể được thể hiện trong văn bản. + <i>Thân đoạn:</i> Biết vận dụng lí lẽ và dẫn chứng một cách hợp lí để nêu suy nghĩ của bản thân trong vấn đề “Cộng đồng và cá thể”. Có chính kiến riêng của cá nhân về vấn đề. + <i>Kết đoạn:</i> Khẳng định lại vấn đề; liên hệ cá nhân.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS biết cách trình bày quan điểm, chính kiến của cá nhân trước vấn đề được đặt ra.

- HS biết cách dẫn dắt và trình bày bài thuyết trình trước tập thể.

b. Nội dung:

- HS làm việc cá nhân. GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày kết quả.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để nêu quan điểm về vấn đề: *Những nhận định khái quát của tác giả về “thời đại mà chúng ta đang sống” được phát biểu từ khoảng giữa thế kỉ XX. Hiện nay, những nhận định đó có còn phù hợp với thực tế nữa không? Vì sao?*

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS dựa trên hiểu biết và thu thập thêm tài liệu để bày tỏ quan điểm và lí giải thuyết phục.

B3. Báo cáo thảo luận

Gv gọi HS xung phong trình bày ý kiến. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung, phản biện.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

GV gợi ý HS cách thực hiện, trả lời:

* Từ các luận điểm của tác giả trong văn bản:

+ Ở một chừng mực nhất định, tổ chức đã thay thế thủ lĩnh, nhất là trong lĩnh vực kĩ thuật song cũng đã có thể cảm thấy điều tương tự trong khoa học.

+ Sự thiếu hụt cá tính trong lĩnh vực nghệ thuật đang lộ rõ.

+ Trong chính trị, không chỉ thiếu người cầm lái mà sự độc lập về tinh thần cũng như ý thức về lẽ phải của dân chúng cũng giảm sút khủng khiếp.

+ Các chế độ độc tài xuất hiện và được dung dưỡng, bởi ý thức về danh dự và quyền cá nhân không còn đủ mạnh nữa.

* Phân tích thêm về cơ sở thực tế của những nhận định được tác giả nêu trong văn bản: sự lộng hành của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân; tai hoạ ghê gớm mà cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất gây ra; sự ra đời của chủ nghĩa phát xít đang cuốn nhân loại vào lò lửa chiến tranh mới, sự xuất hiện liên tục của các trường phái nghệ thuật có vòng đời ngắn hạn;... Qua liên hệ – so sánh, có thể thấy nhiều nhận định khái quát của tác giả đến bây giờ vẫn còn đúng, nhất là nhận định về sự tồn tại của các chế độ độc tài, về sự suy giảm ý thức về lẽ phải ở một bộ phận của cộng đồng.

4. Củng cố:

- Nhắc lại nội dung trọng tâm bài học.
- Củng cố cách đọc hiểu văn bản nghị luận

5. HDVN:

- Đọc trước bài và làm bài tập phần Thực hành tiếng Việt: Cách giải thích nghĩa của từ SGK/ 110 – 111

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 97

CÁCH GIẢI THÍCH NGHĨA CỦA TỪ (01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh hiểu được sự cần thiết của việc giải thích nghĩa của từ trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- Học sinh hiểu rõ các thao tác giải thích của từ được thực hiện trong một số văn bản đã đọc và biết cách vận dụng chúng trong hoạt động thực hành hoặc giao tiếp nói chung.
- Học sinh biết chọn cách giải thích nghĩa của từ phù hợp với từng tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Về năng lực

- Về năng lực chung:
 - + Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
- Về năng lực đặc thù:
 - + Năng lực giải quyết những tình huống cụ thể đặt ra trong văn bản.
 - + Sử dụng có hiệu quả từ ngữ trong quá trình giao tiếp

3. Về phẩm chất

- Có thái độ trân trọng và giữ gìn và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu, đồ dùng hoạt động nhóm

2. Học liệu: tranh ảnh, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung thực hiện: GV đặt câu hỏi, HS trả lời

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Đọc văn bản sau và chú ý những từ in đậm. <i>Rải rác biên cương mở viễn xứ</i> <i>Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh</i> (Tây Tiến - Quang Dũng) - Có những cách nào giúp em hiểu nghĩa của những từ in đậm trong văn bản trên? B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh trao đổi cặp đôi B3. Báo cáo thảo luận: Báo cáo kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Đánh giá các cách giải thích của học sinh từ đó dẫn vào bài.	- Các từ: <i>viễn xứ; biên cương; chiến trường</i> . Có thể hiểu nghĩa bằng các cách: + Tìm hình ảnh tương ứng với từ + Cắt nghĩa từng yếu tố của từ sau đó gộp lại để hiểu. + Tái hiện nghĩa của từ.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được một số cách giải thích nghĩa của từ. Biết vận dụng những cách giải thích nghĩa của từ qua phân tích ví dụ.

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁCH GIẢI THÍCH	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ. + Nhóm 1,2 nêu những yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ. + Nhóm 3,4 nêu yêu cầu cụ thể với từng cách giải thích. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận - Nhóm 1,3 báo cáo - Nhóm 2,4 góp ý bổ sung hoặc phản biện B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	I. Những yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ * Yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ + Nêu đầy đủ các khía cạnh của khái niệm. + Vừa chỉ được loại mà đối tượng thuộc vào, vừa chỉ được đặc thù đối tượng khác cùng loại. VD: <i>NHÀ là công trình xây dựng có mái, tường bao quanh, cửa ra vào để ở, sinh hoạt văn hóa, xã hội hoặc cất giữ vật chất, phục vụ cho các hoạt động cá nhân hoặc tập thể của con người, và có tác dụng bảo vệ cho các hoạt động đó. (Theo Wikipedia)</i> * Yêu cầu cụ thể với từng cách giải thích. + Nêu từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa. Có thể cùng lúc nêu 2 - 3 từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa để người tiếp nhận nắm bắt thuận lợi hơn về sắc thái tình tế của từ được giải thích.

- GV nhận xét, đánh giá, góp ý cho bài làm của HS theo dự kiến kết quả.	VD: Máy bay - Phi cơ; trái - quả; bắp - ngô; Chân thật >< giả dối; no >< đói; cao >< thấp + Làm rõ nghĩa của từ sau đó tổng hợp lại Cách giải thích này có thể áp dụng với đa số từ ghép. Cần lựa chọn đúng nghĩa của từ tránh hiểu sai nghĩa của từ. VD: từ NGŨ CỐC: Ngũ là 5, Cốc chỉ chung các loại hạt dùng để ăn. NGŨ CỐC dùng để chỉ các loại hạt dùng làm lương thực phổ biến là: Kê, mạch, Ngô, lúa mì, lúa gạo. + Tái hiện các tầng nghĩa của từ. Nêu đủ các tầng nghĩa từ khái quát đến cụ thể. VD: Nhà (đã nói trên) + Dùng tranh ảnh Lựa chọn tranh ảnh phù hợp với nghĩa của từ và được cộng đồng thừa nhận. VD: mưa, nắng, hạn hán (dùng hình ảnh)
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS biết cách vận dụng kiến thức về cách giải thích nghĩa của từ để làm bài tập.
- HS hiểu về nghĩa của từ trong những tình huống cụ thể.

b. Nội dung:

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên.

c. Sản phẩm:

Kết quả bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Chia lớp thành 2 nhóm hoàn thành bài tập 1,2 với kỹ thuật khăn phủ bàn. - Giao bài tập 3,4,5,6 về nhà làm. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh thực hiện theo nhóm bàn 4 người. - GV quan sát, hỗ trợ B3. Báo cáo thảo luận - Chọn 3 nhóm hoàn thành sớm nhất lên báo cáo. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, đánh giá bài làm của học sinh.	II. Luyện tập cách giải thích nghĩa của từ Bài 1: <i>Tìm các cước chú ở hai văn bản “Bài ca ngất ngưỡng” và “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” các trường hợp có thể minh họa cho các cách giải thích nghĩa của từ đã nêu ở phần Tri thức ngữ văn.</i> * Bài ca ngất ngưỡng - <i>Tài bộ:</i> tài chí, tài năng được bộc lộ thành phong cách. -> cách giải thích nêu lên từ đồng nghĩa. - <i>Vào lồng:</i> vào guồng máy quan trường, gánh vác phận sự trong bộ máy chính quyền của nhà nước phong kiến; cũng có thể hiểu là mắc vào vòng trói buộc của công danh, bị nhốt và lồng trời đất. -> cách giải thích bằng hình thức trực quan * Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - <i>Chừ Hạnh:</i> hạnh là may mắn, cả câu ý nói thân mình ở chốn sa trường, chỉ may mắn mới sống sót. -> giải thích nghĩa của từ bằng cách trình bày khía cạnh mà từ biểu thị.

	- Tài bồi: vun đắp, gây dựng (tài: trồng cây, bồi : vun bồi đắp) -> giải thích bằng cách làm rõ nghĩa của từng yếu tố được giải thích. - Các từ: Thiên dân, Vương thổ cũng tương tự Bài 2: Trong các cuộc chú tìm được theo bài tập 1, cách giải thích nghĩa của từ được sử dụng nhiều hơn? Lí giải nguyên nhân. - Giải thích bằng cách làm rõ nghĩa của từng yếu tố trong từ được giải thích (đối với từ ghép, sau đó nêu nghĩa chung của từ. - Nguyên nhân: rõ ràng, dễ hiểu và nghĩa hơn, chiết tự cụ thể. Gợi ý bài tập 3,5,6 + Bài tập 3: tìm các cuộc chú tác giả sử dụng kết hợp các cách giải thích nghĩa của từ: VD: Vua hương, bàn độc... + Bài tập 4: - Có thể còn có hạn chế do vốn hiểu biết, vốn ngôn ngữ còn hạn hẹp. => cần trau dồi vốn ngôn ngữ, vốn hiểu biết nhiều hơn nữa. + Bài tập 5: Nêu ví dụ khi giải thích nghĩa của từ giúp người đọc hiểu đúng, hiểu rõ nghĩa của từ. Hình dung được ngữ cảnh sử dụng của từ. Từ đó giúp sử dụng từ chính xác, hiệu quả. + Bài tập 6: Từ giải thích theo nghĩa từ điển mang ý nghĩa chung, bao quát nhất. Từ sử dụng trong văn cảnh mang theo cả cảm xúc, gắn liền với hoàn cảnh giao tiếp, mang sắc thái biểu cảm.
--	--

4. Củng cố:

- Nội dung bài đã học

5. HDVN:

- Học bài
- Hoàn thiện các bài tập 1,2 vào vở. Làm các bài tập 3,4,5,6.

Tiết 98: Ôn tập kiểm tra cuối kì 2

Tiết 99,100: Kiểm tra cuối kì 2

Tiết 101 : Trả bài kiểm tra cuối kì 2

PHẦN VIẾT

Tiết 102,103

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh nắm được tri thức, yêu cầu cơ bản của kiểu bài Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- HS biết thực hiện đúng các bước khi tiến hành Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật: tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn.

2. Về năng lực

- Năng lực chung: Phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo và hợp tác.
- Năng lực đặc thù: Viết được bài văn Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật có yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận...

3. Về phẩm chất

- Bài học góp phần phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm: HS tích cực, chủ động trong học tập; ham học hỏi và nghiên cứu chuyên sâu vấn đề thuộc các lĩnh vực nghệ thuật khác. Có trách nhiệm thực hiện các công việc được giao khi viết bài, tìm hiểu tư liệu.
- Biết quan tâm, trân trọng những tác phẩm nghệ thuật có giá trị. Từ đó, có ý thức bảo tồn, lưu giữ, lan tỏa những sáng tạo nghệ thuật đó.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

2. Học liệu:

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, thang đánh giá
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phiếu học tập; Bảng kiểm đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp, kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài của h/s

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ (lồng ghép quá trình thực hiện tiết học)

3. Bài mới

* HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- Gợi dẫn để h/s nhận biết bối cảnh sử dụng văn bản.

b. Nội dung:

- GV nêu câu hỏi, gợi dẫn vấn đề
- HS theo dõi và trả lời câu hỏi yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu câu hỏi/tình huống học tập, gợi dẫn vấn đề.

- Cách 1:

+ HS tìm kiếm hình ảnh, tư liệu về một số loại hình nghệ thuật mà học sinh yêu thích (âm nhạc, hội họa, điêu khắc, phim điện ảnh...).

+ Tại lớp học, GV cho HS xem các hình ảnh/tư liệu do các nhóm đã chuẩn bị ở nhà, trình bày hiểu biết ban đầu về hình thức, nội dung và lí do lựa chọn.

- Cách 2: Sử dụng hình thức vấn đáp kết hợp với xem các hình ảnh/video/tư liệu về một số loại hình nghệ thuật.

GV cho học sinh xem bức tranh “Thiếu nữ bên hoa huệ”.



CH1: Chia sẻ cảm nhận ban đầu của em khi quan sát bức tranh (hình ảnh, chất liệu, màu sắc, bố cục...).

CH2: Em biết gì về tác giả của bức tranh? Hãy chia sẻ đôi điều về người họa sĩ này?

CH3: Theo em văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật có khác với văn bản thông tin về tác phẩm nghệ thuật không?

*** Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**

- Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, động viên.

- Thời gian thực hiện: 5 phút.

*** Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi theo quan điểm của mình.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung và bày tỏ suy nghĩ của bản thân về phần trình bày của bạn.

*** Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, kết luận về câu trả lời của HS, dẫn vào nội dung bài học.

Trước đây chúng ta đã từng làm quen với kiểu bài viết văn bản nghị luận (kiểu bài nghị luận xã hội và kiểu bài nghị luận văn học), ở tiết học này chúng ta lựa chọn viết về một tác phẩm nghệ thuật khác có thể là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ hoặc phi ngôn từ: điện ảnh, âm nhạc, điêu khắc, hội họa, nhiếp ảnh nghệ thuật... và ở mỗi loại hình nghệ thuật sẽ có những tính đặc thù riêng. Tuy nhiên, văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật vẫn phải đảm bảo những nguyên tắc chung của một bài nghị luận thông thường.

Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu cấu trúc và nội dung bài học....

*** HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu về kiểu bài

a. Mục tiêu:

- HS tìm hiểu phần lời dẫn và yêu cầu trong SGK/tr112 để nắm được những yêu cầu cơ bản của **văn bản** nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- HS nắm được những điều kiện cần tuân thủ để viết được kiểu bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật đúng quy định.

b. Nội dung:

- HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.
- HS tìm hiểu văn bản mẫu, trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu, rút ra kết luận về đặc điểm của văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời, kết quả luyện tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1,2 học sinh đọc bài viết tham khảo (từ SGK/tr112 - 115) <u>CH1:</u> Em đã từng đọc bài viết nào có nội dung nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật chưa? Bài viết đó xuất hiện ở đâu? Điều em ấn tượng nhất ở bài viết đó là gì? <u>CH2:</u> Theo em cái khó của việc thưởng thức và đánh giá một tác phẩm nghệ thuật là gì? <u>CH3:</u> Để viết bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, các em cần thực hiện các yêu cầu gì? * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Tổ chức chia sẻ cặp đôi hoặc theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK) - GV quan sát, khuyến khích * Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời đại diện một số cặp đôi hoặc nhóm bàn trình bày. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. * Bước 4. Đánh giá, kết luận - Dựa trên kết luận về đặc điểm của bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, GV đánh giá, nhận xét câu trả lời của HS.	I. Tìm hiểu chung về kiểu bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật. 1. Điều kiện để thực hiện dạng bài viết: - Cần có những am hiểu về loại hình nghệ thuật của tác phẩm lựa chọn (am hiểu về phạm vi và đối tượng nghị luận). - Khi phân tích, đánh giá tác phẩm, cần vận dụng kết hợp kiến thức về các bộ môn nghệ thuật, tham khảo tư liệu (VD: lời khuyên từ các <u>chuyên gia</u>, <u>cổ vấn nghệ thuật</u> và các giáo viên mỹ thuật, những người có kinh nghiệm trong các lĩnh vực nghệ thuật). - Phải có vốn thuật ngữ nghệ thuật chuyên môn phong phú, để sử dụng phù hợp... 2. Yêu cầu đối với bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật. - Phân tích <u>tác phẩm nghệ thuật</u> không có nghĩa là mô tả lại tác phẩm nghệ thuật. Người viết phải có những hiểu biết sâu sắc, mang tính cá nhân cao. Có khả năng phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin khi nghiên cứu <u>nghệ thuật</u>. - Nêu được những thông tin khái quát về tác phẩm nghệ thuật sẽ bàn tới trong bài viết (tác giả, hoàn cảnh sáng tác, đánh giá của công chúng...). Việc nêu các thông tin khái quát về tác phẩm cần dựa vào đặc trưng loại hình của tác phẩm thể hiện. <u>VD:</u> Với tác phẩm điện ảnh, cần lưu ý các thông tin: tên nhà sản xuất, hãng phim, đạo diễn, tác giả kịch bản, diễn viên....

	<u>VD:</u> Với tác phẩm hội họa cần lưu ý thông tin về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, nội dung/ý tưởng, kích cỡ, hình dạng, màu sắc, kết cấu.... - Xác định được hệ thống luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng sẽ triển khai cho bài viết. - Phân tích những đặc sắc của tác phẩm trên cả 2 phương diện: nội dung và hình thức...
--	--

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS nắm được những yêu cầu cơ bản (nội dung và hình thức) của **văn bản** nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật thông qua tìm hiểu bài viết tham khảo.
- HS biết thực hiện đúng các bước khi tiến hành Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật: cách khai thác thông tin, chọn tác phẩm, tìm ý, trình bày, sắp xếp ý và lập dàn ý cho bài viết.

b. Nội dung:

- HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.
- HS tìm hiểu văn bản mẫu, trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu, rút ra kết luận về đặc điểm của văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời, kết quả luyện tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1,2 học sinh đọc bài viết tham khảo (SGK/tr112 - 115), chú ý thể chỉ dẫn trong bài viết. - GV chia nhóm thảo luận: 3 nhóm Nhóm 1: Tìm hiểu phạm vi nghị luận, kết cấu bài viết. <u>CH1:</u> Đọc bài viết tham khảo và cho biết: xét về tính chất, hướng triển khai, cấu trúc kiểu bài, em thấy bài viết này có giống cấu trúc của kiểu bài NLXH hay NLVH đã từng học không? <u>CH2:</u> Nhắc lại khái niệm VBTT và chỉ ra sự khác biệt giữa văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật với văn bản thông tin về tác phẩm nghệ thuật? Nhóm 2: Tìm hiểu bố cục, cách triển khai luận điểm của bài viết.	II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo 1. Phạm vi nghị luận, kết cấu bài viết. - Phạm vi nghị luận: loại hình nghệ thuật hội họa. - Kết cấu: Xét về tính chất, hướng triển khai, cấu trúc kiểu bài, văn bản giống với cấu trúc của kiểu bài NLXH hay NLVH thường gặp, nhưng có điểm khác biệt do tính đặc thù của đối tượng nghị luận (tác phẩm nghệ thuật phi ngôn ngữ - nghệ thuật hội họa). * Sự khác biệt giữa văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật với văn bản thông tin về tác phẩm nghệ thuật: - Văn bản thông tin là loại văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về các hiện tượng tự nhiên, thuật lại các sự kiện, hướng dẫn các quy trình thực hiện một công việc nào đó, giới thiệu các danh lam thắng cảnh...

<u>CH1</u>: Xác định bố cục của văn bản (văn bản được chia làm mấy đoạn, nhiệm vụ của mỗi đoạn?) <u>CH2</u>: Nhận xét về tính đặc thù của những bằng chứng được sử dụng trong bài viết ? Nhóm 3: Tìm hiểu về các yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật <u>CH</u>: Đề viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, người viết phải đảm bảo những điều kiện gì? * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm và trình bày sản phẩm vào phiếu học tập. + Thời gian: 10 phút + Chia sẻ: 03 phút + Phản biện và trao đổi: 02 phút. + GV đánh giá, nhận xét: 02 phút. * Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời đại diện một số nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm. * Bước 4. Đánh giá, kết luận - Dựa trên kết luận về đặc điểm của bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng, GV nhận xét câu trả lời của HS.	- Văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật: + Thể hiện khả năng phân tích, đánh giá về tác phẩm nghệ thuật. + Luận điểm đánh giá thể hiện quan điểm, góc nhìn riêng của người viết đối với tác phẩm nghệ thuật được bàn luận. + Thông tin cung cấp về tác phẩm được sử dụng như là phương tiện, giúp người viết triển khai một cách hợp lý những phân tích, nhận xét, đánh giá về đối tượng được đề cập. 2. Bố cục, cách triển khai luận điểm của bài viết. * <i>Bố cục</i>: 6 đoạn - Đoạn 1: Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm. - Đoạn 2: Khái quát thông tin về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. - Đoạn 3: Phân tích, bình luận về những đặc sắc của tác phẩm. (VD: chất liệu - sơn dầu; về cách phối hợp giữa màu sắc - ánh sáng - hình ảnh; khả năng tạo dựng bố cục tổng thể của bức tranh...). - Đoạn 4: Gợi ý về cách tìm hiểu/khám phá nét độc của tác phẩm. - Đoạn 5: Bày tỏ thái độ của người viết đối với tác giả, tác phẩm. - Đoạn 6: Kết luận và gợi mở những suy nghĩ mới về nghệ thuật. → Kết cấu văn bản như bài nghị luận thông thường, gồm 3 phần - MB: Giới thiệu về đối tượng nghị luận; - TB: triển khai phân tích, bình luận về đối tượng bằng hệ thống các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng phù hợp. - KB: Đánh giá, kết luận và bày tỏ quan điểm của người viết. * <i>Tính đặc thù của những bằng chứng được sử dụng trong bài viết</i> - Tính đặc thù đó gắn liền với sự “miêu tả” của người viết về các phương tiện khách quan của tác phẩm (bố cục, kích cỡ, hình dạng, màu sắc, kết cấu...), khác với cách trích dẫn câu văn, câu thơ như trong văn bản nghị luận văn học.
---	--

	3. Những điều kiện người viết phải đảm bảo khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật: - Cần có những hiểu biết cơ bản về loại hình nghệ thuật mà tác phẩm đó thuộc về (bao gồm việc nắm được các thuật ngữ chuyên ngành ở mức độ nhất định). - Có hứng thú với tác phẩm nghệ thuật trên cơ sở được nghe, xem, thưởng lãm... theo điều kiện thực tế cho phép. - Khi đánh giá nghệ thuật cần thể hiện được thái độ, quan điểm rõ ràng thông qua hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng phù hợp.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
- Nắm được các bước khi tiến hành viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật: chọn đề tài; tìm ý, lập dàn ý; viết; chỉnh sửa và hoàn thiện.
- Biết cách thu thập thông tin, chuẩn bị, chọn cách dẫn dắt, sắp xếp các ý khi viết.
- Xác định được mục đích viết (nghị luận); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy cô, bạn, người am hiểu và yêu thích nghệ thuật...).
- Bám sát yêu cầu của kiểu bài, mục đích viết và đối tượng người đọc để xây dựng và triển khai hệ thống các luận điểm rõ ràng, thuyết phục.
- Viết được bài nghị luận theo đúng đặc trưng thể loại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng Power Point hướng dẫn HS trình bày các bước khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- HS chốt lại kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để thực hiện các bước thực hành viết.

c. Sản phẩm: Bản nội quy được HS trình bày trên phiếu học tập, đáp ứng yêu cầu của đề bài.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
GV hướng dẫn HS thực hành viết: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật. - GV hướng dẫn HS đọc kĩ các bước thực hành viết: chuẩn bị viết; tìm ý, lập dàn ý; viết; chỉnh sửa hoàn thiện. - Hình thức: Thảo luận cặp đôi trong bàn thực hiện nhiệm vụ mà GV đã đề xuất. * Bước 1. Giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn đề tài cho bài viết	III. Thực hành viết 1. Bước 1: Chuẩn bị viết - Chọn đề tài: rất rộng, phong phú bao gồm nhiều lĩnh vực nghệ thuật khác nhau. + Có thể chọn một trong các loại hình: điện ảnh, âm nhạc, điêu khắc, hội họa, nhiếp ảnh nghệ thuật... VD: SGK/tr116 → Nhìn chung, khi chọn đề tài, nên chọn những tác phẩm mà mình am hiểu, có đủ thông tin (đã được tiếp xúc trực tiếp, có thể tra cứu thông tin, tìm hiểu về các vấn đề liên quan tới tác phẩm).

<u>CH:</u> Đề tài của bài viết thuộc các lĩnh vực nào? Khi lựa chọn đề tài cần chú ý điều gì? * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ được giao theo hình thức cặp đôi, trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. - HS dự kiến sản phẩm. - GV quan sát, gợi mở * Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi h/s trình bày sản phẩm - Trong khi đại diện h/s trình bày sản phẩm, cả lớp lắng nghe, phản hồi. - GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn * Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV nêu căn cứ đánh giá kết quả, nhận xét, đánh giá, bổ sung.	
* Bước 1. Giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS nắm các yêu cầu khi tìm ý và lập dàn ý: + HS tham khảo sgk và trình bày. + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. - HS dự kiến sản phẩm. - GV quan sát, gợi mở. * Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. * Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, định hướng.	2. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý a. Tìm ý - Tác phẩm nghệ thuật đó của ai? Tên tác giả là gì? - Tác phẩm đó hoàn thành trong bối cảnh, thời điểm nào? - Đánh giá của giới chuyên môn và sự đón nhận của công chúng ra sao? - Những đặc sắc, độc đáo trong nội dung và nghệ thuật (có thể đánh giá cả về những thành công và hạn chế). - Giá trị của tác phẩm nghệ thuật đó trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng. b. Lập dàn ý Lập dàn ý trên cơ sở dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo một trình tự nhất định, ba phần của bài nghị luận: * Mở bài: - Nêu được các thông tin cơ bản về đối tượng nghị luận (tên tác phẩm, tác giả, hoàn cảnh sáng tác, sự đón nhận của công chúng...) <u>VD:</u> + TP điện ảnh: Cần nêu được tên đạo diễn, nhà sản xuất, tác giả kịch bản, diễn viên + TP hội họa: Cần nêu được tên tác giả, hoàn cảnh sáng tác, ý tưởng... * Thân bài: - Khái quát chung về tác phẩm nghệ thuật (cốt truyện, chủ đề, giai điệu, ca từ, chất liệu...)

	<u>VD:</u> + Điện ảnh: có thể khái quát chung về cốt truyện. + Âm nhạc: Nhìn nhận chung về giai điệu, ca từ... + TP hội họa: Nhìn nhận chung về chất liệu, ý tưởng... - Phân tích từng khía cạnh nổi bật của tác phẩm nghệ thuật (ở nội dung và hình thức) bằng những lí lẽ và dẫn chứng rõ ràng, thuyết phục. <u>VD:</u> TP hội họa: + Các vấn đề sẽ xoay quanh chủ đề, câu chuyện, ý tưởng của <u>tác phẩm</u>; + Những chi tiết quan trọng có trong <u>tranh</u>? Điểm nào thu hút mọi người. + Những sự kiện và môi trường xung quanh nào đã ảnh hưởng đến <u>tác phẩm</u> này (các sự kiện tự nhiên; các phong trào xã hội; sự kiện chính trị, sự kiện lịch sử, bối cảnh tôn giáo, sự kiện văn hóa...)? + Kích thước tổng thể, hình dạng, màu sắc... - Gợi ý hướng thưởng thức/khám phá tác phẩm trọn vẹn và hứng thú nhất. * Kết bài: - Đánh giá chung về tác phẩm (những thành công và hạn chế ở cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật; giá trị/ ý nghĩa của tác phẩm). <u>VD:</u> Thành công - Ấn tượng/sự độc đáo của tác phẩm đối với công chúng, với đời sống xã hội... - Nêu cảm xúc, sự nhìn nhận, đánh giá của cá nhân về tác phẩm (nếu có).
* Bước 1. Giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh, đảm bảo bố cục bài viết. * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS viết bài theo dàn ý đã lập (thực hiện ở nhà) - GV hướng dẫn, định hướng cách làm bài cho hs. * Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS nộp sản phẩm. - GV chấm, nhận xét. Báo cáo, thảo luận trong tiết trả bài. * Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá sơ lược về kết quả bài làm của học sinh, định hướng HS chia sẻ học tập và khích lệ HS viết chưa tốt.	3. Bước 3: Viết - Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết. - Bố cục: 3 phần (MB - TB - KB). - Cách triển khai: + Triển khai từng luận điểm (Mỗi ý chính trong bài) cần được triển khai thành một đoạn văn; từng đoạn văn đều có câu chủ đề, được đặt ở vị trí thích hợp. Các luận điểm trong phần thân bài phải làm rõ cho vấn đề nêu ở đề bài. + Căn cứ vào loại hình nghệ thuật lựa chọn (đối tượng nghị luận) để lựa chọn dẫn chứng phù hợp. + Các dẫn chứng phải đúng, tiêu biểu và phong phú, kèm theo những lời bình, phân tích phù hợp, tránh tình trạng nói chung chung thiếu căn cứ. + Chú ý đến cảm xúc, thái độ của người viết. Cần chọn ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi thể hiện lý lẽ thuyết phục.

* Bước 1. Giao nhiệm vụ. - GV có thể yêu cầu 1,2 HS đọc lại bài luận đã viết. (Do thời lượng tiết nên GV có thể thực hiện kết hợp nội dung chỉnh sửa, hoàn thiện bài cho h/s trong tiết trả bài). - Kiểm tra và chỉnh sửa theo. * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. - HS xem lại bài viết trên cơ sở nhận xét đánh giá của bạn và GV, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. * Bước 3: Báo cáo, thảo luận. - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. * Bước 4. Đánh giá, kết luận. - GV nhận xét, đánh giá, định hướng chuẩn kiến thức về kiểu bài.	4. Bước 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện. - Đọc lại bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để đảm bảo không bỏ sót ý. - Thay thế những từ ngữ có thể tạo nên giọng điệu thuyết phục không thích hợp, chẳng hạn những từ ngữ toát lên sắc thái mệnh lệnh, quyết đoán: không được, cần phải,... Bỏ những ý, những câu dễ tạo ra phản ứng ngược từ phía người được thuyết phục. - Bổ sung những ý, những câu phân tích, đánh giá về đối tượng chưa thuyết phục, còn thiếu. - Chỉnh lại những điểm thiếu nhất quán và chưa phù hợp trong cách triển khai ý, cách lập luận. - Rà soát để đảm bảo không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản. - HS có thể trao đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau.
* Bước 1. Giao nhiệm vụ - GV giao bài tập, yêu cầu dựa vào dàn ý đã hướng dẫn, định hướng học sinh cách tìm hiểu và làm bài ở nhà theo thời gian quy định. - HS xác định yêu cầu đề và các ý chính cần đạt. * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại đề bài viết trên cơ sở được tham khảo tài liệu, tìm hiểu các nguồn tư liệu, viết bài ở nhà theo yêu cầu của GV. * Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV. * Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV chấm bài, có nhận xét, đánh giá trong tiết trả bài.	* Bài tập về nhà: Khi đánh giá về những nghệ sĩ xuất sắc của hội họa Việt Nam trước 1945, các nhà phê bình đã khẳng định: “Nhất Trí, nhì Vân, tam Lân, tứ Cẩn” (Trí: Nguyễn Gia Trí; Vân: Tô Ngọc Vân; Lân: Nguyễn Tường Lân; Cẩn: Trần Văn Cẩn.). Bức tranh “Thiếu nữ bên hoa huệ” được coi là tác phẩm nổi tiếng nhất của họa sĩ Tô Ngọc Vân cũng như là một trong những đại diện tiêu biểu nhất của nền Mỹ Thuật Việt Nam thế kỷ 20. Hãy thử một lần trải nghiệm, tìm hiểu về tranh Tô Ngọc Vân và dùng những kiến đã học về kiểu bài, viết một văn bản nghị luận về tác phẩm trên. - Yêu cầu nghị luận: viết một văn bản nghị luận về bức tranh “Thiếu nữ bên hoa huệ” của tác giả Tô Ngọc Vân. - Các ý chính cần đạt: + Giới thiệu về bức tranh “Thiếu nữ bên hoa huệ”, tác giả Tô Ngọc Vân. + Nêu một số thông tin cần thiết về hoàn cảnh sáng tác/ ý tưởng/ đề tài, cảm hứng sáng tác. + Nhìn nhận chung về chất liệu, bố cục, màu sắc...

	+ Phân tích những hình ảnh, chi tiết quan trọng có trong <u>tranh</u>. Điềm thu hút mọi người và làm nên sự độc đáo của bức tranh... + Bày tỏ thái độ bản thân.
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài viết)

a. Mục tiêu:

- Nắm được các bước khi tiến hành viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.
- Rèn luyện kỹ năng, phân tích tác phẩm nghệ thuật, biết vận dụng thao tác lập luận đã học để trình bày ý kiến, quan niệm của mình một cách chặt chẽ, thuyết phục; biết trình bày và diễn đạt nội dung bài viết một cách khoa học, sáng rõ, đúng yêu cầu kiểu bài.

b. Nội dung:

- GV định hướng HS dựa dàn ý đã hướng dẫn, chữa bài, phân tích đề, đánh giá những ưu điểm và hạn chế của bài viết của mình và của bạn.
- GV đưa ra đáp án.

c. Sản phẩm:

- Bài viết của HS đã được GV chữa, nhận xét, chấm điểm.
- Bảng thống kê kết quả sau đánh giá của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
* Bước 1. Giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xem lại phần kiến thức yêu cầu trong đề bài, kiến thức lí thuyết về kiểu bài đã học ở tiết trước. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ được giao theo hình thức nhóm bàn, trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS trình bày dàn ý trên ppt và đối chiếu. + HS dưới lớp kiểm tra chéo dàn ý và phát hiện lỗi cho bạn. - HS dự kiến sản phẩm. * Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi hs nhận xét - GV yêu cầu hs nhắc lại dàn ý khái quát. * Bước 4. Đánh giá, kết luận	I. Nhắc lại đề bài, yêu cầu về kiểu bài - Nhắc lại yêu cầu đối với bài viết: Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm nghệ thuật. Khi đánh giá về những nghệ sĩ xuất sắc của hội họa Việt Nam trước 1945 với câu so sánh “<i>Nhất Trí, nhì Vân, tam Lân, tứ Cẩn</i>” (Trí: Nguyễn Gia Trí; Vân: Tô Ngọc Vân; Lân: Lương Xuân Nhị; Cẩn: Tàn Văn Cẩn.). Bức tranh “Thiếu nữ bên hoa huệ” được coi là tác phẩm nổi tiếng nhất của họa sĩ Tô Ngọc Vân cũng như là một trong những đại diện tiêu biểu nhất của nền Mỹ Thuật Việt Nam thế kỷ 20. Hãy thử một lần trải nghiệm, tìm hiểu về tranh Tô Ngọc Vân và dùng những kiến đã học về kiểu bài, viết một văn bản nghị luận về tác phẩm trên. 1. Xác định yêu cầu của đề bài: - Phạm vi nghị luận: Bức tranh “<i>Thiếu nữ bên hoa huệ</i>”. - Thao tác nghị luận chính: Phân tích, bình luận, chứng minh...

- GV nêu căn cứ đánh giá kết quả, nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Phạm vi dẫn chứng: trong đời sống về lĩnh vực hội họa. 2. Bố cục : a. Mở bài: Nêu được các thông tin cơ bản về đối tượng nghị luận (tên tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, ý tưởng....). b. Thân bài: - Khái quát chung về tác phẩm nghệ thuật (về chất liệu, đề tài, ý tưởng...). - Phân tích từng khía cạnh nổi bật của tác phẩm nghệ thuật + Các vấn đề sẽ xoay quanh chủ đề, câu chuyện, ý tưởng của <u>tác phẩm</u> VD: đề tài phụ nữ - đề tài khá quen thuộc và là nguồn cảm hứng bất tận của âm nhạc, hội họa... + Những chi tiết quan trọng có trong <u>tranh</u>? Điểm nào thu hút mọi người (chất liệu, bố cục, màu sắc...). VD: Chất liệu - tranh sơn dầu. Hình ảnh trung tâm của bức tranh: 02 đối tượng (thiếu nữ - hoa huệ) - Thiếu nữ tân thời duyên dáng; hình thể, động thái biểu hiện sức sống tươi trẻ của tuổi đôi mươi; Hoa huệ trắng (còn được gọi Hoa Loa kèn hay Bách hợp), loài hoa được coi là biểu tượng của sự thuần khiết, trinh nguyên... Cách phối màu: Màu xanh là chủ đạo với nhiều sắc độ cùng với màu trắng, màu hồng ngả xanh, gây cho người xem cảm giác trầm và tĩnh lặng. Sự sắp xếp cân đối các mảng màu trắng, xanh, vàng, hồng.. theo những đường lượn phong phú trên nhân vật và những đóa hoa đã tạo nhịp điệu cho bố cục bức tranh. Với bút pháp tả thực lãng mạn phương Tây cùng cảm quan phương Đông, nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam với tà áo dài trắng, kết hợp với màu trắng thanh khiết của loài hoa loa kèn đã tạo cho bức tranh một vẻ đẹp tươi tắn, thuần khiết, trinh nguyên. Hình ảnh người thiếu nữ cùng những chi tiết và màu sắc xung quanh tạo thành một hình khối đơn giản, nhẹ nhàng... - Những sự kiện và môi trường xung quanh nào đã ảnh hưởng đến <u>tác phẩm</u> này (các sự kiện tự nhiên;
---	--

	các phong trào xã hội; sự kiện chính trị, sự kiện lịch sử, bối cảnh tôn giáo, sự kiện văn hóa...)? <u>VD</u>: bức tranh nổi tiếng thời Thiều nữ bên hoa huệ được tác giả Tô Ngọc Vân hoàn thành năm 1943, đã như một liều thuốc hữu hiệu gỡ bỏ một số định kiến xã hội lúc đương thời. + Kích thước tổng thể, hình dạng, màu sắc... - Gọi ý hướng thưởng thức/khám phá tác phẩm trọn vẹn và hứng thú nhất. c. Kết bài - Đánh giá và khẳng định về giá trị của tác phẩm. <u>VD</u>: Tác phẩm “Thiếu nữ bên hoa huệ” cùng những tác phẩm hội họa của Tô Ngọc Vân được xem như những viên gạch đầu tiên tạo dựng nền móng vững chắc cho nền mỹ thuật của dân tộc Việt Nam, định hình một phong cách sơn dầu đậm bản sắc dân tộc và thời đại....
* Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV chữa bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và bổ sung (nếu có). * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm. * Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi h/s trình bày sản phẩm của mình (GV sẽ chọn 1-2 bài viết tốt; 1-2 trung bình; 1 bài kém cho h/s đọc). - Trong khi h/s trình bày sản phẩm, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. - GV có thể cho h/s xem, đánh giá chéo bài của bạn trên cơ sở bảng đánh giá. * Bước 4: Đánh giá kết quả	II. Đối chiếu đáp án, nhận xét ưu, nhược điểm bài viết 1. Ưu điểm: - Đa số h/s đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề. - Trình bày khoa học. - Đảm bảo đúng bố cục bài nghị luận. 2. Nhược điểm: - Một số em chưa biết cách làm bài : * Kiến thức: - Chưa nắm vững yêu cầu bài làm. - Nhiều em lười không làm bài. - Bài văn phân tích đánh giá còn sơ sài, thiếu phần nêu đặc sắc nghệ thuật. * Diễn đạt: - Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, logic. - Lời văn: Một số em sử dụng lời văn còn vụng về, văn nói, từ tối nghĩa. - Chữ viết: Ấu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học. - Nhiều bài chưa chịu suy nghĩ làm bài, làm đối phó. - Có em không hiểu yêu cầu đề nên thiên về cảm nhận sơ lược về bức tranh. 3. Kết quả:

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	(GV có thể sử dụng bảng thống kê kết quả theo: Tốt - khá - đạt - không đạt)
---	---

Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá về bài viết

ST T	Nội dung đánh giá	Kết quả		Cho điểm
		Đạt	Chưa đạt	
1	Chọn được tác phẩm nghệ thuật theo đúng yêu cầu đề.			- Bài tốt: Đạt 6/7 tiêu chí. - Bài khá: có từ 5 đến 6 tiêu chí đạt. - Bài đạt: có từ 3 đến 4 tiêu chí đạt. - Bài không đạt: có từ 3 hoặc dưới 3 tiêu chí đạt.
2	Nêu được các thông tin cơ bản về tác phẩm, tác giả và đề tài/ý tưởng sáng tác.			
3	Thể hiện được sự đa dạng của những góc nhìn khác nhau về tác phẩm (mỗi ý kiến góp phải thể hiện được một góc nhìn, một cách đánh giá riêng).			
4	Biết xây dựng các luận điểm chính cho bài viết rõ ràng, rành mạch, có lập luận thuyết phục.			
5	Đánh giá chung và nêu được ý nghĩa của tác phẩm.			
6	Bài viết trình đảm bảo bố cục và sắp xếp các nội dung theo trình tự hợp lý. - Mở bài: + Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. - Thân bài: + Xây dựng được các luận điểm theo đúng yêu cầu kiểu bài. + Thể hiện được cách đánh giá riêng của mình về tác phẩm. + Biết chọn lọc các thông tin về tác phẩm để phân tích, tạo hấp dẫn cho bài viết. - Kết bài: Khái quát lại được vấn đề, nêu cảm xúc của bản thân.			
7	Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, đúng quy cách; không mắc quá nhiều các lỗi: Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý; Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt.			

4. Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà: 5 phút

- Nắm khái quát các nội dung cơ bản về bài học.
- Nắm nội dung trọng tâm: Những yêu cầu và các bước tiến hành khi viết một bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- Xem lại nội dung bài viết, sửa chữa và khắc phục lỗi trong bài.
- Nghiên cứu và tìm hiểu thêm về các loại hình nghệ thuật khác: điện ảnh, âm nhạc, kiến trúc.. các văn bản phân tích đánh giá để tham khảo

PHẦN NÓI VÀ NGHE

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức.**

- HS biết lựa chọn, giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật đáng được giới thiệu rộng rãi.
- HS nhận biết được những yêu cầu về nội dung và hình thức của bài giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn của cá nhân cho những người được quan tâm.
- + Nêu được những thông tin chính xác, cô đọng về tác phẩm (tên tác phẩm; tác giả; thể loại; thời điểm sáng tác; sự đón nhận của công chúng và các nhà chuyên môn...).
- + Nói rõ lí do chọn giới thiệu tác phẩm (xét từ góc độ cá nhân hay từ ý nghĩa của hoạt động giới thiệu)
- + Trình bày được cảm nhận, đánh giá của người nói về giá trị tác phẩm với những dẫn giải thuyết phục, đặc biệt việc giới thiệu nên tập trung vào tác phẩm thuộc các loại hình nghệ thuật khác như điện ảnh, âm nhạc, hội họa, điêu khắc.
- + Nêu được những đề xuất có ý nghĩa đối với việc hình thành và phát triển năng lực thưởng thức, cảm thụ nghệ thuật của người xem, người nghe nói chung
- HS biết lắng nghe, trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng.

2. Về năng lực.

- + Năng lực thu thập thông tin về tác phẩm nghệ thuật được giới thiệu.
- + Năng lực hợp tác khi trao đổi thảo luận về tác phẩm nghệ thuật được giới thiệu.
- + Năng lực sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.

3. Về phẩm chất.

- Học sinh được bồi dưỡng phẩm chất yêu mến, trân trọng cái đẹp của nghệ thuật, của con người và cuộc sống.
- Bồi dưỡng khả năng lắng nghe và góp ý trên tinh thần cởi mở và xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần

2. Học liệu : Kế hoạch bài dạy của GV, Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, SP của học sinh, các phần mềm hỗ trợ khi trình bày (Powpoint, Canva, Azota, Googlefom...)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)**

a. Mục tiêu: Nhắc HS nhớ lại kiến thức bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật ở Bài 2 đã học ở lớp 11, tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung: GV chiếu video (<https://www.youtube.com/watch?v=TL-eaZxMDo4>) và yêu cầu HS - Quan sát và giới thiệu về Nghệ thuật vẽ tranh cát

c. Sản phẩm: HS tự do bày tỏ quan điểm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án HS giới thiệu về Nghệ thuật vẽ tranh cát trong lễ tốt nghiệp rất sáng tạo để biểu đạt lòng tri ân với cha mẹ, thầy cô....
--	---

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (30 phút)

a. Mục tiêu:

- Học sinh nêu được những thông tin chính xác, cô đọng về tác phẩm (tên tác phẩm; tác giả; thể loại; thời điểm sáng tác; sự đón nhận của công chúng và các nhà chuyên môn...).
- Nói rõ lí do chọn giới thiệu tác phẩm.
- Học sinh trình bày được những yêu cầu cơ bản của việc giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật (tự chọn) cho những người quan tâm. Trình bày được các nhận định, đánh giá về tác phẩm văn học một cách thuyết phục: nêu luận điểm rõ ràng, phối hợp hợp lí phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; làm nổi bật nội dung thuyết trình.

b. Nội dung:

- ❖ Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe
- ❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập về kĩ năng nói nghe
- ❖ Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm: Học sinh giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật. Những lưu ý của HS rút ra được từ bài học mục Chuẩn bị nói, Tìm ý và sắp xếp ý

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. CHUẨN BỊ NÓI. Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập : Giáo viên chia lớp học thành 4 nhóm thảo luận 2 vấn đề kiến thức chuẩn bị nói: NHÓM 1-2 <i>-HS ghi vào phiếu học tập những yêu cầu của việc lựa chọn đề tài.</i> NHÓM 3-4: <i>- Hãy ghi vào phiếu học tập những yêu cầu về dàn ý để chuẩn bị nói</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ của nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm của nhóm, đánh giá, phản biện. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	I. CHUẨN BỊ NÓI: 1. Lựa chọn đề tài - Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ đề tài của bài viết ở trên. - Có thể chọn nói về tác phẩm có thể khơi dậy ở người tiếp nhận thái độ sống tích cực, gợi lên nhiều suy nghĩ về vấn đề lựa chọn và hành động theo định hướng giá trị của bài học. - Có thể chọn những tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng, hoặc có thể chọn giới thiệu một tác phẩm còn bị “khuất lấp” chưa được nhiều người tiếp cận, miễn sao phải thuyết phục được người nghe về giá trị của nó, qua đó, gợi mở một cách nhìn nhận, đánh giá mới, không chỉ về một tác phẩm nghệ thuật cụ thể mà còn về nghệ thuật nói chung. - Những tác phẩm của nghệ thuật cách mạng, từ điện ảnh đến âm nhạc và nghệ thuật tạo hình thuộc số những đề tài nói thích hợp. Đây là cơ hội để bạn học hỏi những kinh nghiệm sống của thế hệ cha anh được kết tinh trong các tác phẩm nổi tiếng một thời, từ đó, biết xác định bước đường tương lai phù hợp với những điều kiện mới của cuộc sống 2. Tìm ý và sắp xếp ý

	-Nếu chọn giới thiệu về tác phẩm nghệ thuật đã được bàn tới trong bài viết trước đó, cần rút gọn bài viết thành một dàn ý, đánh dấu những ý cơ bản sẽ trình bày -Nếu chọn giới thiệu về một tác phẩm khác, cần xây dựng hệ thống ý nhằm làm rõ các thông tin: + Tên tác phẩm; tác giả; + Nơi có thể xem, nghe tác phẩm; + Điểm đặc sắc của tác phẩm về nội dung và hình thức; thông điệp toát ra từ sản phẩm; + Ý nghĩa của thông điệp; đóng góp của tác phẩm cho đời sống nghệ thuật, đời sống tinh thần chung của cộng đồng - Khi diễn đạt ý, cần quan tâm sử dụng những từ ngữ mang tính chuyên môn (thuật ngữ) để gọi tên các bộ phận cấu thành của tác phẩm hay nói về kĩ thuật thực hiện tác phẩm theo từng loại hình nghệ thuật khác nhau (phim: bối cảnh, nhịp độ, diễn xuất, đồng hiện, chuyển cảnh, góc quay,...; ca khúc mô-típ, chất liệu, tiết tấu, giai điệu,...; tượng, tranh: bố cục, hình khối, gam màu, hòa sắc...) (Tham khảo Phụ lục 1: Thiếu nữ bên hoa huệ)
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại dàn ý bài giới thiệu gồm những phần nào? Nội dung gì? GV chọn 2 hoặc 3 nhóm trong số 4 nhóm đã giao nhiệm vụ ở nhà lên giới thiệu tác phẩm nghệ thuật Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS nhắc về yêu cầu dàn ý của bài nói - HS thực hành nói – nghe bài đã chuẩn bị ở nhà Bước 3. Giới thiệu, thảo luận HS các nhóm lắng nghe giới thiệu tác phẩm nghệ thuật đã chuẩn bị trước, ghi nhận xét và đặt câu hỏi (hoặc bổ sung ý kiến) thảo luận ra giấy. Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các nội dung của bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật và những lưu ý cần tránh khi thực hành giới thiệu.	II. Thực hành nói - Mở đầu: Nêu tên tác phẩm và loại hình nghệ thuật của tác phẩm được giới thiệu; nói rõ các điều kiện đưa đến sự lựa chọn giới thiệu tác phẩm. - Triển khai: Trình bày các thông tin chung về tác phẩm (tác giả, thời điểm và hoàn cảnh sáng tác, dư luận,...); phân tích một số nét đặc sắc của tác phẩm theo cảm nhận và quan điểm cá nhân - Kết luận: Đánh giá tổng quát về giá trị của tác phẩm và nêu hướng tiếp cận phù hợp đối với tác phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	III. Trao đổi, đánh giá. - HS trao đổi đánh giá, đặt ra các câu hỏi cho người trình bày và cùng chia sẻ những băn khoăn.

GV yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đánh giá về bài trình bày của nhóm bạn.		
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ		
HS suy nghĩ đặt câu hỏi, phản biện về vấn đề vừa trình bày.		
Bước 3. Báo cáo, thảo luận		
Học sinh trao đổi, đánh giá dựa trên rubic (Phụ lục 2)		
STT	Nội dung đánh giá	Kết quả
		ĐạtChưa đạt
1	Chọn được tác phẩm nghệ thuật có khả năng gây nhiều hứng thú cho người nghe để giới thiệu	
2	Nêu được các thông tin cơ bản về tác phẩm	
3	Trình bày được rành mạch các ý kiến đánh giá của cá nhân về tác phẩm	
4	Tìm được hình thức giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm	
5	Nêu được bài học có ý nghĩa đối với việc tiếp nhận nghệ thuật nói chung	
6	Thể hiện được sự tương tác tích cực với người nghe	
Bước 4. Kết luận, nhận định		
GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo		

Người nói	Người nghe
- Lắng nghe, phản hồi những phản biện của người nghe. - Ghi lại những ý kiến đóng góp hay, phù hợp với nội dung nghiên cứu (về nhà hoàn thiện báo cáo kết quả nghiên cứu). - Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe - Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành	- Nhận xét, đánh giá dựa trên các tiêu chí của Rubic (theo mẫu) - Đặt ra các câu hỏi để biết thêm về tác phẩm. - Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói - Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực - Nêu những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình với cách giới thiệu của người nói
- Những lưu ý khi giới thiệu tác phẩm nghệ thuật: + Nội dung giới thiệu lựa chọn được vấn đề phù hợp; nội dung thông tin chính xác; luận điểm rõ ràng, cách triển khai logic, thuyết phục. + Cách trình bày: . Người nói: ngữ điệu phù hợp, rõ ràng, truyền cảm; chú ý đến thái độ của người nghe để điều chỉnh cách trình bày; có sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để tăng hiệu quả . Người nghe: chú ý lắng nghe, ghi chép những thông tin cần thiết giúp hiểu nội dung và có những đánh giá, phản hồi phù hợp; trao đổi, thảo luận.	

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (8 phút)

a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ, các phương tiện phi ngôn ngữ để thực hành bài nói và nghe.

b. Nội dung thực hiện

HS các nhóm được phân công nhiệm vụ đã chuẩn bị bài giới thiệu, vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài nói và nghe đã chuẩn bị trước ở nhà theo rubic đánh giá.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của HS có kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ.

d. Tiến trình thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ cho các nhóm còn lại lên trình bày bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật của nhóm mình Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	HS thực hiện bài giới thiệu và trao đổi đánh giá, đặt ra các câu hỏi cho người trình bày và cùng chia sẻ những băn khoăn
--	--

Học sinh trình bày bài đã chuẩn bị ở nhà, các nhóm còn lại lắng nghe Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trao đổi, đánh giá dựa trên rubric Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các nội dung của bài giới thiệu và những lưu ý cần tránh khi thực hành nói nghe.	
---	--

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (2 phút)

a. Mục tiêu hoạt động: HS tiếp tục hoàn thiện bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật ở nhà

b. Nội dung thực hiện: HS giới thiệu dựa trên tác phẩm nghệ thuật đã chuẩn bị

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập -Hãy chia sẻ với bạn những bài viết về các tác phẩm nghệ thuật mà bạn yêu thích và viết về một số tác phẩm mà bạn ấn tượng sâu sắc - Hãy tập tổ chức thuyết trình trong nhóm học tập về một tác phẩm nghệ thuật đương đại đang tạo được tiếng vang trong dư luận (Tác phẩm điện ảnh; tác phẩm âm nhạc; tác phẩm điêu khắc, hội họa, đồ họa;...) Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS Trao đổi 1. Người nghe Dựa vào các tiêu chí đánh giá đã xây dựng để tiếp tục suy nghĩ về vấn đề và có thể đóng góp ý kiến bổ sung sau giờ học. 2. Người nói Tiếp thu các ý kiến đóng góp phù hợp và hoàn thiện bài báo cáo. Xem phụ lục 3 “Mùi cỏ cháy”, khúc ca bi tráng về một thời hào hùng của lịch sử dân tộc.
---	--

4. Dặn dò

GV nhắc HS điều chỉnh những nhược điểm còn và vấp khi thực hành bài nói và phát huy những ưu điểm của bản thân để bài sau nói - nghe tốt hơn. Phát huy tối đa các phương tiện phi ngôn ngữ trong khi nói để bài trình bày có hiệu quả hơn, hấp dẫn hơn.

Phụ lục 1. Dàn ý bài nói tham khảo

Tên tác phẩm nghệ thuật: Thiếu nữ bên hoa huệ.

Thể loại: Tranh vẽ sơn dầu

Tên tác giả: Tô Ngọc Vân

1. Lí do chọn giới thiệu tác phẩm nghệ thuật: "Thiếu nữ bên hoa huệ" là kiệt tác hội họa của Tô Ngọc Vân được độc giả Việt Nam và thế giới đánh giá rất cao.

2. Giới thiệu tác phẩm nghệ thuật: "Thiếu nữ bên hoa huệ"

- Kiệt tác "Thiếu nữ bên hoa huệ" được Tô Ngọc Vân sáng tác vào năm 1943. Người mẫu trong bức tranh là cô Sáu.

- Kiệt tác "Thiếu nữ bên hoa huệ" là bức tranh mô tả cảnh một thiếu nữ mặc áo dài trắng đang nghiêng đầu một cách đầy duyên dáng, khơi gợi... về phía lọ hoa huệ trắng. Hình dáng cô gái kết

hợp với những chi tiết và màu sắc xung quanh đã tôn lên một vẻ đẹp thiếu nữ với nét buồn vương vấn, dịu nhẹ. Nó vừa tạo được một không khí trẻ trung, tươi mới, có gì đó "tân thời" nhưng cũng lại rất dân tộc, rất Hà thành. Phải chăng, đó là lý do mà bức tranh được cả dân "Tây" lẫn dân ta đều thích. Đặc biệt, đây cũng là một trong những bức tranh đầu tiên của các họa sĩ Việt Nam thông qua sự phổ biến của mình đã góp phần tôn vinh bộ áo dài truyền thống.

Nhân đây cũng xin nói một chút về những bông hoa được gọi là hoa huệ trong bức tranh. Không phải không có bạn yêu nghệ thuật thắc mắc rằng, tại sao bức tranh rành rành tên gọi "Thiếu nữ bên hoa huệ" song những bông hoa trong tranh lại là hoa... loa kèn. Thật ra, những bông huệ cắm trong lọ bên cô gái không phải là loại hoa huệ bông nhỏ mà ta thường dùng để cắm trên ban thờ trong các ngày rằm mà là hoa huệ tây (được gọi phổ biến dưới cái tên hoa loa kèn). Loài hoa này, đối với các tín đồ Cơ đốc giáo là biểu tượng của sự trinh trắng, đức hạnh.

- Kiệt tác "Thiếu nữ bên hoa huệ" ngay trong lần triển lãm đầu tiên tại Hà Nội, bức họa đã được nhiều người chú ý. Bốn năm sau ngày tác giả bức vẽ hy sinh, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã mượn "Thiếu nữ bên hoa huệ" từ bộ sưu tập của nhà sưu tập Đức Minh để đưa đi tham gia "Triển lãm mỹ thuật 12 nước XHCN" tổ chức tại Liên Xô, Hungary, Ba Lan, Rumani... Đây là lần đầu tiên "Thiếu nữ bên hoa huệ" được "xuất ngoại". Ngay lập tức, Tô Ngọc Vân được báo chí của những nước này ca ngợi như một hiện tượng của hội họa Việt Nam.

3. Trình bày một số ý kiến nhận xét, đánh giá/ điều thích hoặc không thích về tác phẩm/ tình cảm, cảm xúc khi đọc/xem/nghe tác phẩm:

Theo ghi nhận của các chuyên gia thì ở kiệt tác "Thiếu nữ bên hoa huệ", với bố cục chặt chẽ, hoàn hảo, Tô Ngọc Vân đã tạo cho thị giác người xem chuyển dịch theo một vòng khép kín, khiến gương mặt thiếu nữ ghé vào bông hoa trở thành điểm nhấn nổi bật, thành trung tâm của bức tranh. Kết hợp với cách sử dụng màu điêu luyện, đặc biệt là màu trắng, Tô Ngọc Vân đã dựng lên một hình ảnh thiếu nữ mơ mộng và đài các. Tô Ngọc Vân được đánh giá là người có công đầu tiên trong việc sử dụng chất liệu sơn dầu ở Việt Nam. Thông qua kỹ thuật, ông đã cố gắng diễn tả được vẻ đẹp của duyên dáng người Việt Nam đương thời mà tiêu biểu là chân dung thiếu nữ.

Phụ lục 2: Phiếu đánh giá hoạt động nói và nghe

Tham khảo các nội dung được gợi ý trong bảng sau để tự đánh giá và đánh giá về bài nói

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn được tác phẩm nghệ thuật có khả năng gây nhiều hứng thú cho người nghe để giới thiệu		
2	Nêu được các thông tin cơ bản về tác phẩm		
3	Trình bày được rành mạch các ý kiến đánh giá của cá nhân về tác phẩm		
4	Tìm được hình thức giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm		
5	Nêu được bài học có ý nghĩa đối với việc tiếp nhận nghệ thuật nói chung		
6	Thể hiện được sự tương tác tích cực với người nghe		

Phụ lục 3: “Mùi cỏ cháy”, khúc ca bi tráng về một thời hào hùng của lịch sử dân tộc.

<https://www.google.com.vn/gioi-thieu-mot-tac-pham-nghe-thuat-tiep-theo-sgk-ngu-van-11-tap-2-ket-noi-tri-thuc-sieu-ngan->